

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: QUẢN LÝ CÔNG
Mã số: 7340403
Tên cơ sở đào tạo: ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2022

PHẦN 1

HỒ SƠ MỞ MÃ NGÀNH

Số: /TTr-ĐHTDM

Bình Dương, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH
XIN PHÉP MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
Tên ngành: Quản lý công; Mã số: 7340403
Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Trong bối cảnh hiện nay, ngành đào tạo Quản lý công ngày càng cần thiết cho nhu cầu xã hội ở cả khu vực công và khu vực tư.

Đối với khu vực công, nhu cầu tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức đang rất lớn. Theo báo cáo số 135/BC-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ tổng kết công tác giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 ngành Nội vụ, biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2021 là 247.344; biên chế sự nghiệp năm 2021 là 1.783.174; số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là 1.031.851. Mặc dù nhà nước đang thực hiện chính sách tinh giản biên chế nhưng vẫn cần rất lớn đội ngũ kế cận được đào tạo bài bản và có chuyên môn vững vàng. Ngay trong Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 cũng chỉ rõ nhu cầu nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực quản lý nhà nước, hoạch định chính sách tính đến năm 2030 là 30.000 người. Riêng tỉnh bình Dương, theo số liệu khảo sát thực tế về nguồn lực do nhóm Biên soạn Đề án tiến hành kết quả cho biết rằng, có 47 đơn vị có nhu cầu đào tạo ngành Quản lý công, trong đó nhu cầu tổng số 251 vị trí việc làm.

Không những ở khu vực công, nhu cầu về nhân lực chuyên ngành quản lý công cũng tăng. Trường Đại học Thủ Dầu Một nằm tại trung tâm tỉnh Bình Dương, trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, có vị trí tiếp giáp tỉnh Đồng Nai một trung tâm công nghiệp quan trọng của vùng, đặc biệt Bình Dương có 2 mặt tiếp giáp với Tp.HCM, một trung tâm tài chính, kinh tế, đầu tư, du lịch của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Là một trong những tỉnh lớn về mặt lãnh thổ cũng như cơ cấu về đơn vị, tổ chức quản lý trong khu vực công. Có trên 1000 đơn vị Hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công

lập, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước với số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc trong khu vực công lên tới trên 10.000 người. Với sự xuất hiện của các khu công nghiệp, nhân lực về tài chính - tín dụng, bảo hiểm, logistics và một số ngành nghề khác, như cầu lao động làm việc ở các bộ phận như nhân sự, hành chính, phát triển tổ chức, văn phòng, tư vấn pháp lý, L&D, quản trị dự án. Các tổ chức phi chính phủ cũng có nhu cầu rất cao về nhân lực được đào tạo chuyên ngành quản lý công.

Bên cạnh đó, hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương, chưa có trường đại học triển khai đào tạo cung cấp nhân lực về lĩnh vực quản lý công. Hơn nữa, Đại học Thủ Dầu Một là trường đại học công được đầu tư trọng điểm thuộc UBND tỉnh Bình Dương, Trường đào tạo cho các đối tượng có nhu cầu trong tỉnh và cả nước, đặc biệt là các tỉnh lân cận thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực Tây Nam bộ và Tây Nguyên.

Xuất phát từ những căn cứ trên, chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công của Đại học Thủ Dầu Một được thiết kế theo hướng đặc thù của các ngành trong khu vực công và theo định hướng ứng dụng. Thể hiện ở các trụ cột kiến thức và chương trình đào tạo Quản lý công hướng đến là: pháp luật, chính trị và khoa học quản lý gắn với các ngành và lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của khu vực công.

Chương trình được thiết kế theo định hướng ứng dụng thể hiện ở ba phương diện. Thứ nhất, đội ngũ giảng dạy ngoài những giảng viên cơ hữu của nhà trường, còn huy động những nhà quản lý thực tiễn đang làm việc tại các cơ quan đơn vị ở khu vực công và khu vực tư tham gia giảng dạy, là đội ngũ báo cáo viên cho các chuyên đề thực tiễn. Hai là, các học phần được thiết kế hướng đến mục tiêu ứng dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra tại cơ quan, ngành, lĩnh vực mà học viên đang công tác. Ba là, mỗi học phần mang tính thực tiễn cao sẽ được thiết kế có chuyên đề báo cáo thực tiễn để các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý thực tiễn có thời gian trao đổi với học viên. Với những nội dung đổi mới này, chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công của Đại học Thủ Dầu Một chắc chắn sẽ đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong bối cảnh hiện nay.

2. Kết luận và đề nghị

Với bề dày truyền thống của Trường, cùng với đội ngũ nhân lực đáp ứng đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng; điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật; hệ thống thư viện với

nguồn tài liệu phong phú, đa dạng sẽ hoàn toàn bảo đảm đủ các điều kiện để được mở và thực hiện đào tạo cử nhân Quản lý công. Trường Đại học Thủ Dầu Một khẳng định hoàn toàn có đầy đủ khả năng để đào tạo ngành Quản lý công với chất lượng cao. Sinh viên ngành Quản lý công của Trường Đại học Thủ Dầu Một có trình độ chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ tổ quốc, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc cho mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội; biết làm việc tập thể và khả năng hợp tác; có sức khỏe tốt và thái độ làm việc nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp. Trường Đại học Thủ Dầu Một khẳng định toàn bộ nội dung hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo Quản lý công đã được đưa trên trang web của trường tại địa chỉ: <https://tdmu.edu.vn/>.

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét giải quyết. Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐTr;
- HT, PHT;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Quản lý công; Mã số: 7340403

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Tiền thân của Trường là Cao đẳng Sư phạm Bình Dương - một cơ sở đào tạo sư phạm uy tín của tỉnh Bình Dương, cung cấp đội ngũ giáo viên có chuyên môn, am tường nghiệp vụ giảng dạy và có tâm huyết với thế hệ trẻ. Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sứ mệnh của Trường là đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực. Trường Đại học Thủ Dầu Một đã, đang và sẽ tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức ứng dụng khoa học – công nghệ trong nước và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trường Đại học Thủ Dầu Một thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo đại học, sau đại học để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh Bình Dương, của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như đổi mới và phát triển giáo dục Đại học Việt Nam, nhằm đạt được uy tín ngang bằng với đại học của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Qua 10 năm hình thành và phát triển, Trường đã định hình là một cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực; phát triển theo mô hình đại học tiên tiến. Với triết lý giáo dục “Học tập trải nghiệm – Nghiên cứu ứng dụng – Phục sự cộng đồng”, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã khẳng định vị thế của một đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, là đại diện tiêu biểu cho sức mạnh tri thức của tỉnh Bình Dương. Dựa trên văn bản số 548/ĐHTDM-HC ngày 23/11/2015, và cập nhật đến tháng 6/2020. Bộ máy tổ chức và cơ

sở vật chất của Trường Đại học Thủ Dầu Một ngày càng được hoàn thiện; tiếp cận chương trình đào tạo tiên tiến; ngành nghề, lĩnh vực, quy mô và loại hình đào tạo đa dạng hóa phù hợp với nhu cầu xã hội; đáp ứng cơ bản yêu cầu đào tạo nhân lực cho địa phương, hướng đến trở thành trung tâm đào tạo– nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, trung tâm văn hóa– giáo dục hàng đầu của tỉnh và khu vực.

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường có 09 Khoa/Viện(Khoa Kinh tế, Khoa Kiến trúc, Khoa Mỹ Thuật – Âm nhạc, Khoa ngoại ngữ, Khoa Đào tạo Kiến thức chung, Khoa Công nghệ Thực phẩm, Khoa sư phạm, Khoa Khoa học Quản lý, Viện Kỹ thuật – Công nghệ), 13 phòng ban, 11 trung tâm, 03 Viện nghiên cứu và các tổ chức đoàn thể Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên, Cựu giáo chức và Ban Đảng ủy nhà trường.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã và đang khẳng định chỗ đứng vững chắc trong hệ thống giáo dục Việt Nam và tiến tới chuẩn khu vực, trường đã đạt được một số kết quả tiêu biểu như:

Về nhân sự, giảng viên có học hàm học vị tính đến tháng 6 năm 2020, Trường Đại học Thủ Dầu Một có 723 cán bộ - viên chức, trong đó có 28 giáo sư - phó giáo sư, 144 Tiến sĩ, 551 thạc sĩ.

Về đào tạo, Trường Đại học Thủ Dầu Một đang tập trung hoàn thiện lộ trình xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo sáng kiến CDIO, đáp ứng chuẩn AUN-QA. Tính đến tháng 6 năm 2020, có 04 chương trình đào tạo đạt chuẩn AUN (mạng lưới các trường đại học hàng đầu của khu vực Đông Nam Á), 04 chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2020, Trường đạt chuẩn 4 sao theo UPM (University Performance Metrics). Theo kế hoạch năm 2022, Trường phấn đấu đạt chuẩn AUN.

Bắt đầu từ tháng 8/2015, Trường Đại học Thủ Dầu Một chính thức được Bộ Giáo dục cho phép đào tạo Cao học, đánh dấu bước phát triển quan trọng của Nhà trường. Hiện nay, quy mô của Trường là 15.000 sinh viên các hệ và 1.000 học viên cao học và nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu ở 40 ngành đại học, 12 ngành sau đại học, thuộc các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, sư phạm. Trường đang xây dựng các ngành đào tạo chất lượng cao (mở rộng đào tạo 100%

chương trình bằng tiếng Anh), đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chuẩn quốc tế, phục vụ nhu cầu hội nhập.

2. Sự cần thiết về việc mở ngành

Trong bối cảnh hiện nay, ngành đào tạo Quản lý công ngày càng cần thiết cho nhu cầu xã hội ở cả khu vực công và khu vực tư.

Đối với khu vực công, nhu cầu tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức đang rất lớn. Theo báo cáo số 135/BC-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ tổng kết công tác giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 ngành Nội vụ, biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2021 là 247.344; biên chế sự nghiệp năm 2021 là 1.783.174; số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là 1.031.851. Mặc dù nhà nước đang thực hiện chính sách tinh giản biên chế nhưng vẫn cần rất lớn đội ngũ kế cận được đào tạo bài bản và có chuyên môn vững vàng. Ngay trong Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 cũng chỉ rõ nhu cầu nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực quản lý nhà nước, hoạch định chính sách tính đến năm 2030 là 30.000 người. Riêng tỉnh Bình Dương, theo số liệu khảo sát thực tế về nguồn lực do nhóm Biên soạn Đề án tiến hành kết quả cho biết rằng, có 47 đơn vị có nhu cầu đào tạo ngành Quản lý công, trong đó nhu cầu tổng số 251 vị trí việc làm.

Không những ở khu vực công, nhu cầu về nhân lực chuyên ngành quản lý công cũng tăng. Trường Đại học Thủ Dầu Một nằm tại trung tâm tỉnh Bình Dương, trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, có vị trí tiếp giáp tỉnh Đồng Nai một trung tâm công nghiệp quan trọng của vùng, đặc biệt Bình Dương có 2 mặt tiếp giáp với Tp.HCM, một trung tâm tài chính, kinh tế, đầu tư, du lịch của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Là một trong những tỉnh lớn về mặt lãnh thổ cũng như cơ cấu về đơn vị, tổ chức quản lý trong khu vực công. Có trên 1000 đơn vị Hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước với số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc trong khu vực công lên tới trên 10.000 người. Với sự xuất hiện của các khu công nghiệp, nhân lực về tài chính - tín dụng, bảo hiểm, logistics và một số ngành nghề khác, như cầu lao động làm việc ở các bộ phận như nhân sự, hành chính, phát triển tổ chức,

văn phòng, tư vấn pháp lý, L&D, quản trị dự án. Các tổ chức phi chính phủ cũng có nhu cầu rất cao về nhân lực được đào tạo chuyên ngành quản lý công.

Bên cạnh đó, hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương, chưa có trường đại học triển khai đào tạo cung cấp nhân lực về lĩnh vực quản lý công. Hơn nữa, Đại học Thủ Dầu Một là trường đại học công được đầu tư trọng điểm thuộc UBND tỉnh Bình Dương, Trường đào tạo cho các đối tượng có nhu cầu trong tỉnh và cả nước, đặc biệt là các tỉnh lân cận thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực Tây Nam bộ và Tây Nguyên.

Xuất phát từ những căn cứ trên, chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công của Đại học Thủ Dầu Một được thiết kế theo hướng đặc thù của các ngành trong khu vực công và theo định hướng ứng dụng. Thể hiện ở các trụ cột kiến thức và chương trình đào tạo Quản lý công hướng đến là: pháp luật, chính trị và khoa học quản lý gắn với các ngành và lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của khu vực công.

Chương trình được thiết kế theo định hướng ứng dụng thể hiện ở ba phương diện. Thứ nhất, đội ngũ giảng dạy ngoài những giảng viên cơ hữu của nhà trường, còn huy động những nhà quản lý thực tiễn đang làm việc tại các cơ quan đơn vị ở khu vực công và khu vực tư tham gia giảng dạy, là đội ngũ báo cáo viên cho các chuyên đề thực tiễn. Hai là, các học phần được thiết kế hướng đến mục tiêu ứng dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra tại cơ quan, ngành, lĩnh vực mà học viên đang công tác. Ba là, mỗi học phần mang tính thực tiễn cao sẽ được thiết kế có chuyên đề báo cáo thực tiễn để các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý thực tiễn có thời gian trao đổi với học viên. Với những nội dung đổi mới này, chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công của Đại học Thủ Dầu Một chắc chắn sẽ đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong bối cảnh hiện nay.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

1. Năng lực của cơ sở đào tạo

1.1. Đội ngũ giảng viên

Bên cạnh đội ngũ cán bộ, giảng viên của toàn trường, Khoa Khoa học quản lý có đội ngũ giảng viên đáp ứng được nhu cầu giảng dạy chuyên ngành Quản lý công.

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên;

- Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

1.2. Về cơ sở vật chất

Về cơ sở vật chất, Tổng diện tích xây dựng khoảng 29.108m². Trong đó, phòng học khoảng 17.723m² với 136 phòng học giảng đường và các phòng bộ môn. Các phòng đều được trang bị đầy đủ máy projector, amply và hệ thống wireless phủ sóng trong toàn trường. Phòng thư viện có diện tích khoảng 2.057m² (gồm 1 kho sách với đầy đủ sách phục vụ đào tạo, 1 phòng đọc, 1 phòng đọc dành riêng cho giảng viên). Ngoài ra, phòng thí nghiệm khoảng 7.756m² (có 21 phòng thí nghiệm), khu hiệu bộ văn phòng và các trung tâm trực thuộc trường có diện tích khoảng 1.057m² và khu hoạt động thể thao, giữ xe, đảm bảo sức chứa lớn. Hiện nay Trường Đại học Thủ Dầu Một có cơ sở tọa lạc tại số 6 Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khuôn viên Trường rộng 6,74 ha. Đây là nơi học tập, nghiên cứu của gần 19.000 CB-GV, SV của Trường. Không những thế, Trường tiếp tục đang xây dựng cơ sở 2 tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, Bến Cát với diện tích 57,6 ha.

1.3. Công nghệ học liệu

Về học liệu

Thư viện trường ngày càng được phát triển, cung cấp nhiều loại trang thiết bị phục vụ cho đa dạng các hoạt động hỗ trợ sinh viên và giảng viên có môi trường học tập và làm việc tốt, cùng nhau chia sẻ ý tưởng, thiết kế, xây dựng và phát triển. Các phòng của thư viện có kiến trúc hiện đại, thân thiện môi trường, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, trang bị đầy đủ các thiết bị và máy móc hiện đại. Bên trong Thư viện có các phòng phục vụ riêng cho sinh viên như: Phòng học nhóm, phòng tra cứu, phòng tham khảo và NCKH, phòng tự học với đầy đủ thiết bị như: máy lạnh, máy chiếu, máy tính, Wi-Fi, bàn ghế bạn đọc, túi ngủ, kệ tủ các loại. Dữ liệu theo dõi hoạt động của Thư viện được thống kê, ghi nhận và

lưu trữ thông qua các phần mềm: phần mềm quản lý thư viện Kipos, phần mềm Dspace, phần mềm Gcafe... Với Trung tâm Học liệu và khu vực xung quanh hình thành một không gian học tập cho SV với tổng diện tích 18.461m². Hiện tại, Trung tâm Học liệu sử dụng phần mềm thư viện Libol 6.0 bao gồm các phân hệ xử lý nghiệp vụ, tra cứu (OPAC), phục vụ mượn trả tài liệu, tài liệu điện tử. Sinh viên còn có thể dùng chung trên 30 triệu tài liệu toàn văn từ các CSDL Trung tâm mua quyền truy cập như: SpringerLink, IEEE, Nasati (ProQuest Central, Credo Reference...), Ebook Oxford University, Ebook IG Library, Tổng cục thống kê Việt Nam, Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội. Nhằm cải thiện chất lượng phục vụ, thư viện thực hiện khảo sát sự hài lòng của SV và GV mỗi năm. Trên cơ sở các phản hồi từ khảo sát, thư viện sẽ đưa ra các giải pháp và kế hoạch triển khai để đạt được mục tiêu cải thiện chất lượng phục vụ.

Về số lượng sách phục vụ cho việc giảng dạy và học tập ngành Quản lý công, rường quan tâm và đầu tư liên tục hàng năm. Hiện tại số lượng học liệu phục vụ ngành Quản lý công thể hiện có gần 300 đầu sách được quản lý và phục vụ cho người học và người dạy tại Thư viện của Trường.

- **Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo:** Khoa Khoa học quản lý được đầu tư cơ sở vật chất khá đồng bộ về giảng đường, trang thiết bị dạy học, nâng cấp thư viện, phục vụ đầy đủ nhu cầu đào tạo của Khoa tại thời điểm hiện tại và trong tương lai. Hiện nay Trường Đại học Thủ Dầu Một có cơ sở tọa lạc tại số 6 Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khuôn viên Trường rộng 6,74 ha. Đây là nơi học tập, nghiên cứu của gần 19.000 CB-GV, SV của Trường. Không những thế, Trường tiếp tục đang xây dựng cơ sở 2 tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, Bến Cát với diện tích 57,6 ha được đầu tư xây dựng hiện đại, tích hợp nhiều công năng phục vụ hiệu quả công tác đào tạo, nghiên cứu của Khoa Kinh tế, chương trình đào tạo Quản lý Kinh tế và của Trường trong tương lai.

1.4. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản lý công được xây dựng theo module gồm: module kinh tế, văn hoá, chính trị; module luật; module quản lý công, và module tự chọn.

Chương trình đào tạo ngành Quản lý công được xây dựng hướng tới 03 mục tiêu là kiến thức, kỹ năng và thái độ. Về kiến thức, sau khi hoàn thành khoá học, người học có thể vận dụng kiến thức căn bản và chuyên sâu của lĩnh vực quản lý công để giải quyết những vấn đề thực tiễn; phục vụ hiệu quả cho sự phát triển tổ chức, xã hội trong bối cảnh phát

triển bền vững của xã hội, cộng đồng. Về kỹ năng, người học có thể sử dụng thành thạo các kỹ năng về lĩnh vực nghề nghiệp; kỹ năng cá nhân, làm việc tập thể, làm việc chủ động, xử lý tình huống, tư duy lập luận, thuyết phục, quản lý và lãnh đạo để làm việc trong khu vực công, khu vực tư và các lĩnh vực liên quan khác. Về thái độ, người học có khả năng tự nghiên cứu, học tập (*học tập suốt đời*) đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tích cực đóng góp sự phát triển của lĩnh vực ngành nghề, lợi ích xã hội và cộng đồng; gương mẫu thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp, có ý chí sáng tạo, đổi mới (*học tập suốt đời và cống hiến cho xã hội*).

Dựa trên 03 mục tiêu này, Chương trình tập trung vào làm nổi bật 11 chuẩn đầu ra dựa trên Khung Bloom. Cụ thể như Bảng dưới đây:

Bảng 2. Các chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành quản lý công

Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên tốt nghiệp có khả năng:		Bloom
Kiến thức		
ELO 1 (Chung)	Áp dụng kiến thức cơ bản về chính trị, hệ tư tưởng chính thống, kinh tế, văn hoá và khoa học quản lý nói chung và quản lý công nói riêng vào giải quyết các vấn đề về hoạt động của cơ quan và tổ chức.	3
ELO 2 (Chuyên môn)	Áp dụng được các kiến thức kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành/chuyên sâu và liên ngành để phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương pháp/ giải pháp thích hợp trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp thực tiễn và các lĩnh vực ngành nghề liên quan khác.	5
ELO 3 (Nâng cao)	Thiết kế, sáng tạo quy trình, mô hình quản lý, và mô hình ra quyết định phù hợp với các nguồn lực của tổ chức (Khu vực công/tư) đáp ứng yêu cầu của xã hội, thị trường và xu hướng toàn cầu hóa.	6
Kỹ năng		
ELO 4 (chung)	Sử dụng các kỹ năng tư duy lập luận, sáng tạo và kỹ năng nghiên cứu liên quan đến các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp một cách có hiệu quả .	4
ELO 5 (chung)	Tham gia làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với vai trò là thành viên hay lãnh đạo trong bối cảnh toàn cầu hóa.	4
ELO 6 (Chuyên môn)	Sử dụng những kỹ năng được trang bị trong chuyên ngành quản lý công để nhận định, phân tích tình huống, bối cảnh,	4

	nhiệm vụ, chức năng để từ đó xác định cách thức thực hiện khoa học, hợp lý và hiệu quả.	
ELO 7 (chuyên môn)	Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực chuyên môn nghề.	5
ELO 8 (cao)	Nghiên cứu phát triển các giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tế trong quản lý công.	6
Thái độ		
ELO 9	Thể hiện trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp.	6
ELO 10	Thể hiện động cơ học tập suốt đời, tự nghiên cứu, có tinh thần, đổi mới sáng tạo cống hiến cho xã hội, phục vụ cộng đồng.	6

Các chuẩn đầu ra này được xây dựng dựa trên đối sánh với các chương trình đào tạo của một số trường trong nước và trên thế giới. Không những vậy còn dựa trên tham vấn của các giảng viên và doanh nghiệp, cơ quan nhà nước có liên quan.

Chương trình đào tạo gồm 130 tín chỉ, với 33 tín chỉ giáo dục đại cương, 27 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành; 60 tín chỉ kiến thức chuyên ngành; 5 tín chỉ thực tập doanh nghiệp và 5 tín chỉ báo cáo thực tập. Ngoài ra còn có nhiều seminar, workshop bổ trợ, giúp sinh viên tiếp cận với thực tế.

1.5. Nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và quốc tế

Về nghiên cứu khoa học

Về thực hiện đề tài KH&CN, Trường đã đề xuất thực hiện 01 đề tài theo Nghị định thư với Chính phủ Hàn Quốc, 01 đề tài cấp quốc gia, 02 đề tài do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc Gia tài trợ, 18 đề tài cấp tỉnh, triển khai 04 đề án nghiên cứu trọng điểm; cán bộ, giảng viên đề xuất thực hiện gần 300 đề tài cấp Trường. Nội dung các đề tài đều tập trung nghiên cứu nhằm phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một, giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn về kinh tế, xã hội của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đã có 01 đề tài cấp quốc gia, 01 đề tài do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc Gia tài trợ, 11 đề tài cấp tỉnh, 213 đề tài cấp Trường được phê duyệt thực hiện.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học: Đây là mảng công tác đã được Nhà trường đẩy mạnh từ năm học 2012-2013. Trường đã tổ chức các hoạt động nghiên cứu phù hợp với từng đối tượng người học như: tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học

và xét tặng giải thưởng cấp trường; tổ chức các ngày hội khoa học dành cho sinh viên, học viên cao học... Tính đến nay, có hơn 1.000 đề tài của sinh viên được thực hiện, 191 đề tài của sinh viên được trao Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Đại học Thủ Dầu Một”. Đặc biệt, sinh viên trường đã đạt 07 giải ba, 04 giải khuyến khích của Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học do Bộ GD&ĐT tổ chức; 02 giải khuyến khích của Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka.

Ngày hội Khoa học sinh viên, Ngày hội Khoa học cán bộ, giảng viên trẻ và học viên cao học được tổ chức hàng năm đã thu hút đông đảo sinh viên, học viên tham gia với 303 báo cáo của sinh viên, 193 báo cáo của học viên.

Về ứng dụng, chuyển giao KH&CN: Với những nỗ lực cao, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã đạt được một số thành tựu bước đầu rất quan trọng. Từ đề tài cấp trường “Nghiên cứu nuôi trồng nấm trùng thảo (*Cordyceps militaris*) trên môi trường nhân tạo tại Đại học Thủ Dầu Một”, năm 2015 Trường đã sản xuất thành công sản phẩm Đông Trùng Hạ Thảo chất lượng cao, được Cục Đo lường chất lượng (Bộ Y tế) cấp Giấy chứng nhận sản phẩm tin dùng năm 2016.

Đến nay, Trường Đại học Thủ Dầu Một đang hoàn thiện cơ sở pháp lý để triển khai sản xuất các sản phẩm: Rượu đông trùng TDMU, Cao đông trùng TDMU, Đông trùng tươi TDMU, Trà đông trùng đẳng sâm túi lọc TDMU, Tỏi đen TDMU; Tinh dầu TDMU (bưởi Bạch Đằng, cam, sả), Xà bông thảo dược TDMU (xà bông bưởi, xà bông yến mạch, xà bông cà phê); Nano cucumin, nano vàng, nano bạc; Cao chiết thực vật kháng khuẩn, Bột vi tảo Spirulina TDMU, Cà phê chồn TDM, Chế phẩm vi sinh trừ bệnh cây ớt Trichoderma TDMU, Chế phẩm vi sinh trị bệnh nấm hồng cây cao su Tricho-TDMU X1, Chế phẩm vi sinh diệt sâu rầy MetaMix-TDMU; Cây giống invitro, tạo giống sạch bệnh (lan, đẳng sâm, cây dược liệu); Tinh phân tách theo giới tính ở bò, hỗ trợ thụ tinh ở thú hoang dã, các chế phẩm vi sinh trong chăn nuôi; Chế phẩm gel nano đông trùng trị bỏng, keo dán vết mổ; Vật liệu xây dựng thân thiện môi trường...

Các sản phẩm, quy trình sản xuất đã và đang được chuyển giao theo hướng thương mại hóa sản phẩm với nhiều doanh nghiệp như: Công ty Thế giới Gen, Công ty Cổ phần MHD Innocare, Công ty Asia Sai Gon Food, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (AFI), Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nông Thành Phát,

Công ty Dược DTN Pharma,... đã bước đầu tạo được niềm tin với doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Về hợp tác trong hoạt động KH&CN, Trường chú trọng hợp tác không chỉ với các đối tác trong nước mà còn với các đối tác ở nước ngoài. Đến nay, Nhà trường đã có mối liên hệ, hợp tác với 30 cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cơ quan, doanh nghiệp trong nước và gần 30 trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức nước ngoài. Các nội dung hợp tác phong phú và đa dạng tùy vào thế mạnh, đặc thù của từng đối tác. Cụ thể các nội dung hợp tác chủ yếu như sau:

- Hợp tác, phối hợp tổ chức thành công các hội nghị, hội thảo khoa học quy mô lớn: “Việt Nam 40 năm: Thống nhất, phát triển và hội nhập (1975 – 2015)” (phối hợp với Trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG Hà Nội, Trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh và Trường ĐH Khoa học – ĐH Huế); “Tác động của quá trình đô thị hóa đối với cộng đồng dân cư – Những bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc, Ấn Độ và thực tiễn Việt Nam” (phối hợp với Trường ĐH Kinh tế - Luật – ĐHQG Tp. HCM và Viện Nghiên cứu Phát triển của Pháp tại Việt Nam); Hội nghị Quốc tế lần thứ 5 về Các Hệ thống Cảm ngữ cảnh và ứng dụng – ICCASA 2016 (phối hợp Liên minh với Châu Âu vì Sự đổi mới); “Tăng trưởng xanh – con đường hướng đến phát triển bền vững” (phối hợp với Mạng lưới Nghiên cứu quản lý và Công nghệ xanh); “Công tác xã hội và an sinh xã hội trong bối cảnh cộng đồng ASEAN: Hội nhập và phát triển bền vững” (phối hợp với Trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG Tp. HCM và Trường ĐHQG Chi Nan – Đài Loan); Kết nối với Việt Nam lần thứ 9 – Đối thoại liên ngành chủ đề: “Nghiên cứu điển ngôn ‘Phát triển’, ‘Du lịch’ và ‘Bền vững’ ở Việt Nam từ góc độ đa ngành và đa chiều” (phối hợp với Trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG Tp. HCM, Trường ĐH Hawaii – Hoa kỳ và UBND tỉnh An Giang); “Du lịch quốc tế: Con đường kết nối văn hoá giữa các tỉnh, thành và cộng đồng của Việt Nam và Malaysia (trường hợp tỉnh Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Penang)” (phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương và Viện Nghiên cứu phát triển du lịch bền vững Malaysia); Viễn cảnh Đông Nam Bộ – lần I, năm 2018 Chủ đề “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Kinh nghiệm các quốc gia châu Á và bài học cho vùng Thành phố Hồ Chí Minh” (phối hợp với Trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG Tp. HCM, Khu Công nghệ Phần mềm – ĐHQG Tp. HCM, ĐH Hiroshima – Nhật Bản, ĐH Osaka – Nhật Bản, ĐH Mahachulalongkornrajavidyalaya – Thái Lan, ĐH Quốc gia Thành Công –

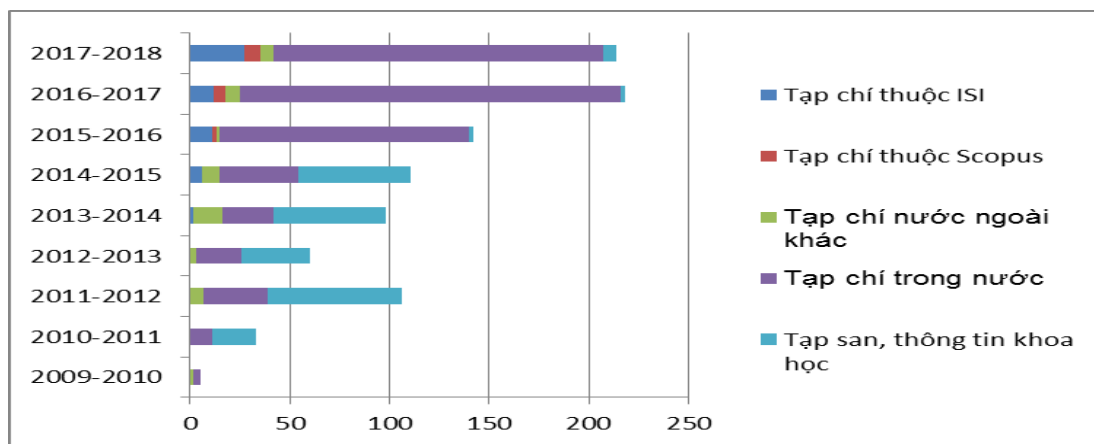
Đài Loan, ĐH Quốc gia Chi Nan – Đài Loan và ĐH Quốc lập Đông Hoa – Đài Loan); “Du lịch, di sản văn hóa và cộng đồng địa phương” (phối hợp với Đại học Khoa học Malaysia)...

- Hợp tác nghiên cứu, thực hiện các đề tài, dự án và hỗ trợ, phối hợp công bố quốc tế: Trường đã và đang hợp tác với các đối tác trong việc triển khai thực hiện đề tài theo Nghị định thư “Nghiên cứu tăng cường huỳnh quang bằng công nghệ nano lượng tử ứng dụng trong xét nghiệm y sinh siêu nhạy”, đề tài cấp quốc gia “Nghiên cứu công nghệ sản xuất màng cellulose sinh học từ nước quả dừa khô ứng dụng làm bao gói thực phẩm”, đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển cảnh quan khu vực bờ Đông sông Sài Gòn tỉnh Bình Dương trở thành điểm nhấn bản sắc văn hóa Bình Dương”, đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tạo lập bản sắc quy hoạch - kiến trúc cho một số khu vực trọng điểm của tỉnh Bình Dương trong tương lai”...; ký kết phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ trong việc xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, thành lập các nhóm nghiên cứu chung thuộc lĩnh vực liên ngành khoa học tự nhiên và ứng dụng để xây dựng các dự án, đề tài các cấp và công bố quốc tế; ký kết phối hợp với Đại học Khoa học Malaysia trong việc hai bên kết nối với chính quyền địa phương hình thành các dự án nghiên cứu, tham vấn chính sách phát triển du lịch địa phương, hình thành mạng lưới nghiên cứu xuyên quốc gia nhằm hỗ trợ Trường nâng cao năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế...

- *Hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ phát triển sản phẩm*: Trường đã ký kết hợp tác trong việc nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học với Công ty TNHH Công nghệ Sinh học TVT; hợp tác nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm ứng dụng công nghệ nano, các sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học với Công ty TNHH Thế giới Gen; chuyển giao quy trình trồng các loại nấm dược liệu và cung cấp nguồn nguyên liệu sạch, hợp tác nghiên cứu các sản phẩm từ nấm dược liệu với Công ty Cổ phần MHD Innocare; chuyển giao công nghệ các chế phẩm sinh học EM, Trichoderma cho Trung tâm Chuyển giao Khoa học và Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công Nghệ tỉnh Kon Tum, tỉnh Ninh Thuận; chuyển giao công nghệ sản xuất gỗ ván ép từ xơ dừa và tư vấn trang thiết bị máy móc vận hành sản xuất cho Công ty TNHH Hiệp Thanh – Bến Tre...

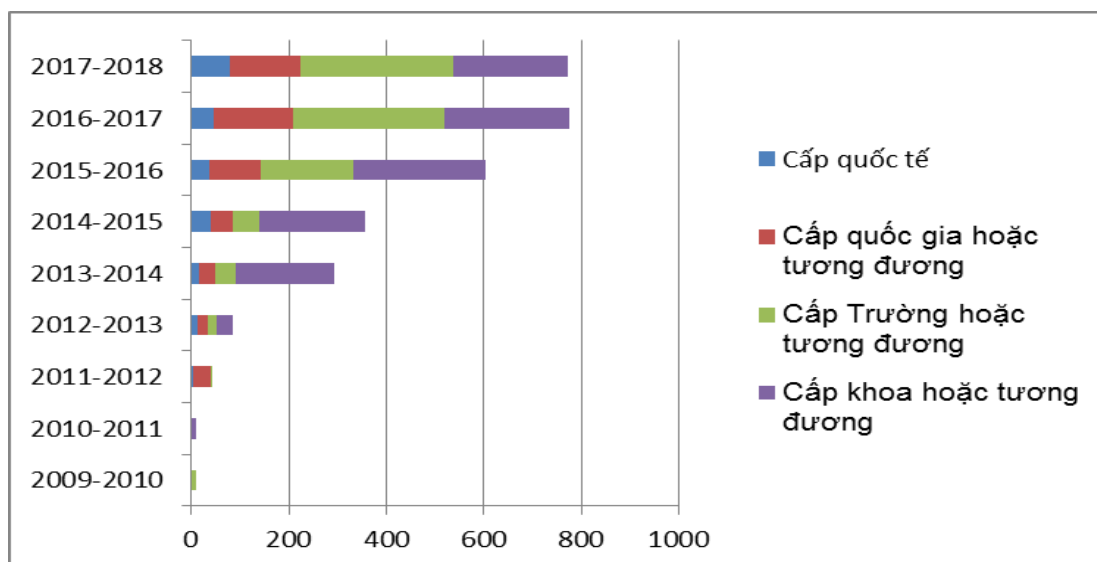
Về công tác phổ biến thông tin KH&CN: Trong giai đoạn 2009-2020, cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Thủ Dầu Một đã công bố 150 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế, 615 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và gần 3.000 báo cáo khoa học ở nhiều hội nghị, hội thảo các cấp. Đặc biệt, có 58 bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, 16 bài báo được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus. Cũng theo dữ liệu từ Scopus, Trường Đại học Thủ Dầu Một được xếp hạng thứ 42 (năm 2018) và thứ 27 (năm 2019) về công bố quốc tế trong số các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu của Việt Nam (có tổng số ấn phẩm lớn hơn 20 và số bài báo tạp chí trên 10 trong thời gian 1/2017- 6/2018)¹.

Như vậy, tính đến năm 2020, trong lĩnh vực công bố quốc tế đóng góp tri thức toàn cầu, Trường đã có thành tích nổi bật đứng Top 30 công bố quốc tế tại Việt Nam.



Biểu đồ 1: Biểu đồ số lượng công bố khoa học hàng năm

¹Báo Tiền phong Online (2018), *Các trường đại học VN qua công bố quốc tế: Nhìn từ dữ liệu Scopus*, truy cập tại <https://www.tienphong.vn/giao-duc/cac-truong-dai-hoc-vn-qua-cong-bo-quoc-te-nhin-tu-du-lieu-scopus-1313551.tpo>, Ngày truy cập 01/10/2018



Biểu đồ 2: Biểu đồ số lượng báo cáo khoa học hàng năm

Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một (được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động vào tháng 7 năm 2011) đã xuất bản 37 kỳ, đăng tải trên 555 bài báo khoa học của các tác giả trong và ngoài Trường. Thông qua công tác phổ biến thông tin khoa học, Tạp chí đã xác lập được uy tín trong giới khoa học, được các cơ quan khoa học và giáo dục đánh giá cao.

Đến nay, Tạp chí đã được Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước đưa vào danh mục Tạp chí tính điểm xét công nhận học hàm Giáo sư, Phó giáo sư các ngành: Lịch sử - Khảo Cổ học - Dân tộc học, Ngôn ngữ học, Văn học, Tâm lý học, Giáo dục học, Công nghệ sinh học. Từ kết quả của công tác nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, Trường đã xuất bản được các tựa sách: Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam (3 tập); Một số chuyên đề Lịch sử Thế giới và Quan hệ quốc tế (2 tập); Văn hóa Trung Quốc; Bài giảng Tiến trình lịch sử Việt Nam; Bộ kỹ yếu hội thảo Chiến thắng Điện Biên Phủ - Những vấn đề lịch sử (4 tập); Sử liệu học và các nguồn sử liệu Việt Nam; Hiện trạng đời sống văn học đồng bằng sông Cửu Long; Giáo trình Thi pháp học; Giáo trình Vật lý đại cương; Thực hành vật lý đại cương; Một tiếp cận khác Einstein đến vấn đề hấp dẫn và vũ trụ; Tư duy biện luận ứng dụng; Tư duy phản biện dành cho sinh viên: Học những kỹ năng đánh giá có phê phán và xây dựng luận cứ hiệu quả; Đọc ở bậc đại học: Cẩm nang dành cho sinh viên;...

Đối với mảng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, những kết quả nghiên cứu bước đầu của Trường đã tập hợp thành tập sách: Phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương - Những vấn đề khoa học và thực tiễn; Phúc lợi xã hội - hiện trạng và mức độ tiếp

cận của công nhân tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương; Miền Đông Nam bộ - Lịch sử và Văn hóa (Tập 1); Biển đảo Nam Bộ trong quá trình phát triển và hội nhập; Tín ngưỡng, nghi lễ, giao lưu văn hóa của người hoa ở thành phố Hồ Chí Minh (Tiếp cận nhân học); International tourism development in Vietnam and Malaysia;...

Nhằm tăng cường công tác phổ biến thông tin KH&CN giai đoạn 2009-2018, Nhà trường đã tổ chức và phối hợp **tổ chức 09 hội thảo khoa học quốc tế, 07 hội thảo khoa học quốc gia và hơn 130 cuộc hội thảo cấp trường, cấp khoa...**

Về hợp tác quốc tế

Từ năm 2013 đến năm 2015, Trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi học tập kinh nghiệm nước ngoài. Điển hình như: Học tập, trao đổi kinh nghiệm tại trường Đại học Thammasat (Vương Quốc Thái Lan); Tham dự “Diễn đàn giáo dục Đài – Việt lần thứ 3” (Trường Đại học Nghĩa Thu, thành phố Cao Hùng); Tham dự Hội nghị CDIO thế giới lần thứ 11 (Trường Đại học Công nghệ thông tin Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) và thực hiện thành công báo cáo xin gia nhập Tổ chức CDIO thế giới. Hiện nay, Trường Đại học Thủ Dầu Một là thành viên thứ 3 của Việt Nam gia nhập tổ chức CDIO thế giới sau Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Duy Tân và là thành viên liên kết của tổ chức AUN.

Hoạt động quan hệ quốc tế của Trường không ngừng mở rộng, Trường đã đón tiếp nhiều đối tác đến từ các nước: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, đoàn đại diện Cộng đồng Pháp ngữ (Agence Universitaire de la Francophonie - AUF), đại diện Tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh, đại sứ quán Australia tại Hà Nội; tiếp đoàn đại biểu Trường Đại học Kyungsung, Viện trao đổi văn hóa quốc tế Hàn Quốc, Trường Nhật ngữ An (Nhật Bản), Đại học Nam Columbia, Đại học Nam Queensland (Australia), Đại học Hull (Vương quốc Anh). Ký biên bản ghi nhớ hợp tác với đại học Woosong về thành lập Trung tâm Hàn Ngữ, trao đổi chương trình đào tạo và giảng viên, ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Học viện Bình Đông (Đài Loan) để hợp tác đào tạo cho doanh nhân Đài Loan đang làm việc tại các tỉnh Đông Nam Bộ. Hiện Trường đang cùng Trường Đại học Kyungsung thực hiện các bước cần thiết để thành lập Trung tâm ngôn ngữ Hàn- Việt đặt tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Ngoài ra, hiện nay Trường đang đào tạo 48 sinh viên của nước Lào, theo học các ngành Quản trị- Kinh doanh, Kế toán, Tài chính- Ngân hàng, Ngôn ngữ Anh, Kiến trúc, Quản lý công nghiệp, Luật và Công nghệ thông tin.

2. Mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở

Thời gian đào tạo của Ngành là 04 năm. Thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo từ năm 2022.

Mục tiêu đào tạo là cung cấp nguồn nhân lực về quản lý công cho khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo định hướng, chiến lược phát triển của Đảng và nhà nước.

Kế hoạch tuyển sinh trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới thể hiện ở Bảng dưới đây:

Năm	Số lượng	Ghi chú
2022	100	
2023	120	Điều chỉnh theo tình hình thực tế khoảng 20%
2024	140	
2025	160	
2026	180	
2027	200	
2028	200	
2029	200	
2030	260	
2031	260	
Tổng	1820	

Sinh viên tốt nghiệp đảm bảo những kiến thức nền tảng, chuyên sâu, kỹ năng và thái độ phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Không những vậy, sinh viên còn được trang bị những kiến thức cập nhật theo nhu cầu của thời đại để có thể hội nhập và làm việc trong các công ty quốc tế.

Đội ngũ này sẽ tạo ra những đóng góp to lớn cho xã hội. Họ sẽ áp dụng những kiến thức đã học để sáng tạo ra những quy trình, cách thức làm việc mới, hiệu quả. Trong các cơ quan nhà nước họ là đội ngũ kế thừa, mang tư tưởng tiến bộ phục vụ cho công cuộc cải

cách nền hành chính. Không những vậy, họ còn tham gia vào quá trình góp ý các chính sách, pháp luật của nhà nước.

Hiệu quả và đóng góp xã hội của lực lượng này là rất lớn vừa trực tiếp và gián tiếp.

3. Giải pháp và lộ trình thực hiện

Đề án mở ngành đào tạo được thực hiện theo chỉ đạo và kế hoạch của Nhà trường. Tổ biên soạn được thành lập và tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, làm việc với các bên liên quan để thu thập ý kiến và tiến hành soạn thảo đề án mở ngành đào tạo.

Sau khi Chương trình được phê duyệt được vào áp dụng, Trường định kỳ tổ chức đánh giá và điều chỉnh mỗi 2 năm một lần để đảm bảo chương trình được cập nhật thường xuyên theo nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp và của các cơ quan nhà nước. Cùng với quy mô tuyển sinh tăng, Nhà trường dự kiến tuyển dụng và phát triển đội ngũ giảng viên. Cụ thể là có kế hoạch đưa 03 giảng viên đi đào tạo Tiến sĩ. Tuyển thêm 03 thạc sĩ và 03 tiến sĩ có ngành đào tạo liên quan.

Đến năm 2026, tiến hành kiểm định Moet. Đến năm 2030, thực hiện kiểm định AUN-QA.

4. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

Để đảm bảo quản lý chương trình đào tạo có chất lượng, Trường Đại học Thủ Dầu Một và Khoa Khoa học quản lý thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm. Ngoài ra còn có báo cáo hàng tháng của cố vấn học tập. Những thông tin này giúp điều hành chương trình một cách chủ động và hiệu quả, có thể nhanh chóng xác định được những khó khăn và vướng mắc để nhanh chóng tìm ra giải pháp phù hợp.

Những môn học liên quan đến chuyên ngành khác, Chương trình sắp xếp mời giảng viên thỉnh giảng đúng chuyên môn để có thể đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Trường có Trung tâm đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm tra và giám sát nhằm đảm bảo chất lượng của toàn trường và của Chương trình. Cơ chế vận hành này có thể giúp Chương trình giảm thiểu được những vấn đề liên quan đến học chậm tiến độ, tốt nghiệp trễ hạn.

Phòng thanh tra tham gia tích cực vào việc đảm bảo Chương trình được vận hành đúng quy định, phòng ngừa những vi phạm các quy định của nhà nước.

Phòng Công tác tuyển sinh của Trường tích cực phối hợp với Chương trình và các phòng ban liên quan để thúc đẩy hoạt động tuyển sinh theo chỉ tiêu, nhờ đó có thể tránh được rủi ro không tuyển sinh được.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website

Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.
(<https://tdmu.edu.vn/tt36>)

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó, Trường có công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng, kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và thông tin sinh viên tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hằng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố tới sinh viên và các bên liên quan, mức học phí cũng được công bố theo khoá học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo nhu cầu nhân lực ngành Quản lý công, với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất Trường Đại học Thủ Dầu Một kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, chấp nhận cho Nhà trường đào tạo ngành Quản lý công trình độ đại học mã ngành 7340403 kể từ năm 2022.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Thủ Dầu Một cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo cũng như không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐTr;
- HT, PHT;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. NGÔ HỒNG DIỆP

PHỤ LỤC II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO²

(Ban hành kèm quyết định số:/QĐ-ĐHTDM, ngày tháng ... năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Tên chương trình đào tạo: Quản lý công
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Quản lý công
Mã ngành: 7340403
Loại hình đào tạo: chính quy
Khóa: 2022-2026

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục Chương trình

Mục tiêu chung:

- Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, khu vực Đông Nam Bộ.
- Đào tạo cho người học về phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý trong khu vực công (trong hệ thống chính trị VN), khu vực tư (doanh nghiệp trong và ngoài nước) tương xứng với trình độ đại học. Có trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần phục vụ cộng đồng, thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng sự phát triển và vận động không ngừng của khoa học và xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

PO1	(<i>Áp dụng kiến thức vào công việc</i>) Vận dụng kiến thức căn bản và chuyên sâu của lĩnh vực quản lý công để giải quyết những vấn đề thực tiễn; phục vụ hiệu quả cho sự phát triển tổ chức, xã hội trong bối cảnh phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.
PO2	(<i>Phát triển chuyên môn</i>) sử dụng thành thạo các kỹ năng về lĩnh vực nghề nghiệp; kỹ năng cá nhân, làm việc tập thể, làm việc chủ động, xử lý tình huống, tư duy lập luận, thuyết phục, quản lý và lãnh đạo để làm việc trong khu vực công, khu vực tư và các lĩnh vực liên quan khác; Tự nghiên cứu, học tập (<i>học tập suốt đời</i>) đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa.
PO3	(<i>Ý thức xã hội và đạo đức</i>) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tích cực đóng góp sự phát triển của lĩnh vực ngành nghề, lợi ích xã hội và cộng đồng; gương mẫu

	thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp, có ý chí sáng tạo, đổi mới (<i>học tập suốt đời</i> và cống hiến cho xã hội).
--	---

1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên tốt nghiệp có khả năng:		Bloom
Kiến thức		
ELO 1 (Chung)	Áp dụng kiến thức cơ bản về chính trị, hệ tư tưởng chính thống, kinh tế, văn hoá và khoa học quản lý nói chung và quản lý công nói riêng vào giải quyết các vấn đề về hoạt động của cơ quan và tổ chức.	3
ELO 2 (Chuyên môn)	Áp dụng được các kiến thức kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành/chuyên sâu và liên ngành để phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương pháp/ giải pháp thích hợp trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp thực tiễn và các lĩnh vực ngành nghề liên quan khác.	5
ELO 3 (Âng cao)	Thiết kế, sáng tạo quy trình, mô hình quản lý, và mô hình ra quyết định phù hợp với các nguồn lực của tổ chức (Khu vực công/tư) đáp ứng yêu cầu của xã hội, thị trường và xu hướng toàn cầu hóa.	6
Kỹ năng		
ELO 4 (chung)	Sử dụng các kỹ năng tư duy lập luận, sáng tạo và kỹ năng nghiên cứu liên quan đến các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp một cách có hiệu quả .	4
ELO 5 (chung)	Tham gia làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với vai trò là thành viên hay lãnh đạo trong bối cảnh toàn cầu hóa.	4
ELO 6 (Chuyên môn)	Sử dụng những kỹ năng được trang bị trong chuyên ngành quản lý công để nhận định, phân tích tình huống, bối cảnh, nhiệm vụ, chức năng để từ đó xác định cách thức thực hiện khoa học, hợp lý và hiệu quả.	4
ELO 7 (chuyên môn)	Sử dụng thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ và chức năng trong lĩnh vực chuyên môn nghề.	5
ELO 8 (cao)	Nghiên cứu phát triển các giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tế trong quản lý công.	6
Thái độ		
ELO 9	Thể hiện trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp.	6
ELO 10	Thể hiện động cơ học tập suốt đời, tự nghiên cứu, có tinh thần, đổi mới sáng tạo cống hiến cho xã hội, phục vụ cộng đồng.	6

Sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình

Mục tiêu giáo dục (PO)	Các ELOs đóng góp cho PO		
	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ

PO 1	ELO 1, 2, 3	ELO 7, 8	ELO 9
PO 2		ELO 4, 5, 6, 7,8	ELO 10
PO 3			ELO 9, 10

1.3. Cơ hội việc làm:

- Làm việc trong các cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp của Bộ máy nhà nước Việt nam;
- Làm việc trong các cơ quan đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế;
- Làm việc trong các cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành về quản lý.
- Làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức phi chính phủ.

1.4. Trình độ ngoại ngữ tin học: Đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định của Trường Đại học Thủ Dầu Một

1.5. Bằng cấp: Cử nhân Quản lý công

2. Thời gian đào tạo: 4 năm (12 học kì)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 TC

4. Đối tượng tuyển sinh: Công dân đã tốt nghiệp PTTH, BTVH, trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp hành chính và thi đạt điểm chuẩn vào hệ đại học chính quy ngành Quản lý nhà nước của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo: Đào tạo thời gian 4 năm theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng BGDĐT. Điều kiện tốt nghiệp: Người học sau khi tích lũy đủ 130 tín chỉ và không bị kỷ luật sẽ được công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng Cử nhân Quản lý công.

6. Thang điểm: 10

7. Nội dung chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo		Khối lượng	Kiến thức giáo dục	Kiến thức giáo dục chuyên ngành

	Thời gian đào tạo	kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	đại cương (Tín chỉ)	Kiến thức cơ sở ngành (Tín chỉ)	Kiến thức chuyên ngành (Tín chỉ)	Thực tập doanh nghiệp (Tín chỉ)	Báo cáo tốt nghiệp (Tín chỉ)
Đại học	4 năm	130	33	27	60	5	5

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 0 TC)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Loại học phần		Điều kiện		Học kì (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song ngành	
1		Triết học Mác - Lênin	3	3		x				
2		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2		x				
3		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		x				
4		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2		x				
5		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		x				
6		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		x				
7		Nghiên cứu khoa học	3	3		x				
8		Tư duy kinh tế trong quản lý công	3	3		x				
9		Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	3		x				
10		Lý luận về Nhà nước và pháp luật	2	2		x				
11		Hệ thống pháp luật Việt Nam	3	3		x				
12		Luật Hiến pháp	3	3		x				
13		Luật Hành chính	3	3		x				
		Tổng:	33							

7.2. Kiến thức cơ sở ngành: 27 TC (Bắt buộc: 27 TC; Tự chọn: 0 TC)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Loại học phần		Điều kiện		Học kì (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song ngành	

		Nhóm kiến thức cơ sở ngành							
14		Khoa học quản lý	3	3		x			
15		Lý luận quản lý công	3	3		x			
16		Chính sách công	3	3		x			
17		Văn hoá công sở	2	2		x			
18		Đạo đức công vụ	2	2		x			
19		Quản trị văn phòng	3	3		x			
20		Hoạch định và thực thi chính sách công	3	3		x			
21		Quản lý dịch vụ công và cải cách thủ tục hành chính	3	3		x			
22		Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	0	2	x			
23		Tổ chức nhân sự trong khu vực công	3	3		x			
Tổng:			27	27					

7.3 Kiến thức chuyên ngành: 60 TC (Bắt buộc: 25 TC; Tự chọn: 35 TC)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Loại học phần		Điều kiện		Học kì (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song ngành	
24		Ứng dụng chính sách tài chính tiền tệ vào phát triển kinh tế-xã hội	3	3		x				
25		Giám sát, kiểm tra, thanh tra trong quản lý công	2	2		x				
26		Quản lý nhà nước về kinh tế	3	3		x				
27		Quản lý nhà nước về xã hội	5	5		x				
28		Tài chính công và quản lý ngân sách bền vững	3	3		x				
29		Quản lý chất lượng trong quản lý công	3	3		x				
30		Kinh tế phát triển ứng dụng.	3	3		x				
31		Thực tiễn cải cách hành chính ở một số nước trên thế giới	3	3		x				
Sinh viên chọn 35 tín chỉ theo một trong hai hướng sau:										
Hướng 1. Công tác thanh vận										
32		Những vấn đề chung về công tác thanh niên	4	4			x			
33		Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	4	4			x			
34		Công tác tổ chức xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	4	4			x			
35		Phương thức hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	4	4			x			

36		Kỹ năng công tác thanh niên	4	4			x			
37		Kỹ năng tổ chức các hoạt động tập thể cho thanh niên	5	5			x			
38		Khối kiến thức thực tế, rèn luyện chuyên môn	5	5			x			
39		Thực hiện khóa luận hoặc thi tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp thanh vận	5	5			x			
Hướng 2. Quản lý công										
40		Giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân	3	3			x			
41		Công pháp quốc tế	3	3			x			
42		Quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường	3	3			x			
43		Luật đất đai và quản lý nhà nước về đất đai	3	3			x			
44		Cải cách hành chính lý thuyết và thực tiễn	3	3			x			
45		Hệ thống thông tin và chuyển đổi số trong quản lý	4	4			x			
46		Pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức	3	3			x			
47		Phát triển nhân sự: lý thuyết và ứng dụng	4	4			x			
48		Tạo động lực và kỹ năng giải quyết xung đột trong tổ chức	3	3			x			
49		Chế độ tiền lương và phúc lợi xã hội	3	3			x			
50		An sinh xã hội	3	3			x			
		Tổng	60	60			x			

7.4: Báo cáo tốt nghiệp: 5 TC (Bắt buộc: 5 TC; Tự chọn: 0 TC)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Loại học phần		Điều kiện		Học kì (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song ngành	
1		Báo cáo khoá luận tốt nghiệp	5	0	5		x			
		Tổng	5	0	5					

7.5: Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở, doanh nghiệp: 5 TC (Bắt buộc: 5 TC; Tự chọn: 0TC)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Loại học phần		Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
				Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Học trước	Song ngành	
1		Thực tập tốt nghiệp	5	0	5		x			
		Tổng	5	0	5					

8. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1.1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0		X	
2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		X	
3		Khoa học quản lý	3	3	0		X	
4		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2			X	
5		Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	3	0		X	
		Tổng	12				X	

Học kỳ 1.2

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ	Môn học phần	Bắt buộc	Tự chọn
-----	-------	--------------	------------	---------	--------------	----------	---------

				Lý thuyết	Thực hành	trước/tiên quyết	Bắt buộc	Tự chọn
1		Triết học Mác - Lênin	3	3			x	
2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			x	
3		Tư duy kinh tế trong quản lý công	3	3	0			
4		Lý luận về Nn và pháp luật	2	2			x	
		Tổng	10					

Học kỳ 1.3

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Hệ thống pháp luật Việt Nam	3	3			x	
2		Luật Hiến pháp	3	3			x	
3		Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2			x	
4		Quản trị văn phòng	3	3			x	
		Tổng	11				x	

Học kỳ 2.1

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Luật Hành chính	3	3		x		
2		Chính sách công	3	3		x		
3		Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	0	2	x		
4		Tổ chức nhân sự trong khu vực công	3	3		x		
		Tổng	11					

Học kỳ 2.2

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ	Môn học phần	Loại học phần
-----	-------	--------------	------------	---------	--------------	---------------

				Lý thuyết	Thực hành	trước/tiên quyết	Bắt buộc	Tự chọn
1		Lý luận quản lý công	3	3		Quản lý học đại cương	X	
2		Văn hoá công sở	2	2			X	
3		Đạo đức công vụ	2	2			X	
4		Kinh tế phát triển ứng dụng.	3	3			X	
		Tổng	10					

Học kỳ 2.3. Sinh viên chọn đủ 7 TC

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Nghiên cứu khoa học	3	3	0		X	
2		Pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức	3	3				X
3		Phát triển nhân sự: lý thuyết và ứng dụng	4	4				X
4		Những vấn đề chung về công tác thanh niên	4	4				X
		Tổng	10					

Học kỳ 3.1. Sinh viên chọn đủ 12 TC

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Tạo động lực và kỹ năng giải quyết xung đột trong tổ chức	3	3				X
2		Công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	4	4				X
3		Công tác tổ chức xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	4	4				X
4		Giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân	3	3				X
5		Công pháp quốc tế	3	3				X
6		Cải cách hành chính lý thuyết và thực tiễn	3	3				X

7		Kỹ năng công tác thanh niên	4	4				x
		Tổng	12					

Học kỳ 3.2. Sinh viên chọn đủ 4 TC

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Phương thức hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	4	4				x
2		Hoạch định và thực thi chính sách công	3	3		x		
3		Quản lý chất lượng trong quản lý công	3	3		Lý luận quản lý công		
4		Hệ thống thông tin và chuyển đổi số trong quản lý	4	4				x
		Tổng	10					

Học kỳ 3.3.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Quản lý dịch vụ công và cải cách thủ tục hành chính	3	3		x		
2		Giám sát, kiểm tra, thanh tra trong quản lý công	2	2		x		
3		Tài chính công và quản lý ngân sách bền vững	3	3		x		
4		Thực tiễn cải cách hành chính ở một số nước trên thế giới	3	3		x		
		Tổng	11					

Học kỳ 4.1. Sinh viên chọn đủ 3TC

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Ứng dụng chính sách tài chính tiền tệ vào phát triển kinh tế-xã hội	3	3		x		

2		Quản lý nhà nước về xã hội	5	5		x		
3		Kỹ năng tổ chức các hoạt động tập thể cho thanh niên	5	5				x
4		Khởi kiến thức thực tế, rèn luyện chuyên môn	5	5				x
5		Quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường	3	3				x
		Tổng	11					

Học kỳ 4.2.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Quản lý nhà nước về kinh tế	3	3		x		
2		Thực hiện khóa luận hoặc thi tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp thanh vận	5	5				x
3		Chế độ tiền lương và phúc lợi xã hội	3	3				x
4		An sinh xã hội	3	3				x
5		Luật đất đai và quản lý nhà nước về đất đai	3	3				x
		Tổng	12					

Học kỳ 4.3.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tín chỉ		Môn học phần trước/tiên quyết	Loại học phần	
				Lý thuyết	Thực hành		Bắt buộc	Tự chọn
1		Thực tập tốt nghiệp	5		5			
2		Báo cáo tốt nghiệp	5		5			
		Tổng	10					

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. NGÔ HỒNG DIỆP



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Số 06 Trần Văn On, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: (0274) 3865 866 - Website: www.tdmu.edu.vn

**PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
CỦA CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN LỰC
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG**

Trường Đại học Thủ Dầu Một đang xây dựng Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý công. Chương trình này có mục tiêu chung là đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực lĩnh vực quản lý công.

Để nắm bắt nhu cầu nguồn nhân lực về lao động trình độ cử nhân ngành Quản lý công , chúng tôi mong muốn nhận được ý kiến của Quý cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về nhu cầu sử dụng lao động đối với nhân lực ngành này. Chương trình. Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trả lời trong Phiếu khảo sát này sẽ được giữ bí mật và chỉ được sử dụng đúng mục đích hoàn thiện chương trình đào tạo.

Các mức hài lòng tương ứng:

① *Hoàn toàn không đồng ý* ② *Không đồng ý* ③ *Bình thường* ④ *Đồng ý* ⑤ *Hoàn toàn đồng ý*

A. THÔNG TIN VỀ NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tên cơ quan/doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Website:

- Lĩnh vực hoạt động :

- Tổng số nhân viên trong cơ quan/doanh nghiệp:

- Loại hình doanh nghiệp thuộc:

- Cơ quan, doanh nghiệp nhà nước
- Công ty, doanh nghiệp tư nhân
- Công ty, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài
- Công ty, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- Khác (ghi rõ):.....

- Hình thức tổ chức tuyển dụng của doanh nghiệp khi có nhu cầu về nhân sự:

- Thông báo trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình ...
- Thông báo tuyển dụng trên các Website việc làm
- Tổ chức các chương trình giới thiệu doanh nghiệp và tuyển dụng trực tiếp
- Hình thức khác:.....

- Họ và tên người trả lời phỏng vấn: Chức vụ:

- Điện thoại liên hệ: Email:.....

B. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU TUYỂN

1. Sắp tới, cơ quan của quý vị có nhu cầu tuyển dụng người học tốt nghiệp ngành Quản lý công trình độ cử nhân thuộc Đại học Thủ Dầu Một không?

Có

Chưa xác định

Không có (nếu chọn phương án này thì không trả lời câu 3)

2. Nhu cầu tuyển dụng trong thời gian tới của cơ quan đối với người học tốt nghiệp ngành Quản lý công trình độ cử nhân của Trường dự kiến là bao nhiêu?

Dưới 5 người

Dưới 10 người

Dưới 15 người

Dưới 20 người

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Stt	Nội dung	Mức độ hài lòng				
I. MONG ĐỢI VỀ KIẾN THỨC CỦA NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP		Mức độ				
1	Kiến thức chuyên môn	①	②	③	④	⑤
2	Kiến thức chung về văn hóa - kinh tế - xã hội	①	②	③	④	⑤
3	Kiến thức về pháp luật, quy định của Nhà nước, quy định của cơ quan/doanh nghiệp	①	②	③	④	⑤
II. MONG ĐỢI VỀ KỸ NĂNG CỦA NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP		Mức độ				
4	Kỹ năng/nghịệp vụ chuyên môn	①	②	③	④	⑤
5	Kỹ năng làm việc độc lập	①	②	③	④	⑤
6	Kỹ năng làm việc nhóm	①	②	③	④	⑤
7	Kỹ năng ngoại ngữ	①	②	③	④	⑤
8	Kỹ năng tin học, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông	①	②	③	④	⑤
9	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tư vấn và thuyết trình	①	②	③	④	⑤
10	Kỹ năng trình bày (viết, nói), đàm phán	①	②	③	④	⑤
11	Kỹ năng thu thập, đánh giá, xử lý thông tin	①	②	③	④	⑤
12	Kỹ năng soạn thảo văn bản	①	②	③	④	⑤
13	Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian	①	②	③	④	⑤
14	Kỹ năng giải quyết vấn đề	①	②	③	④	⑤

Stt	Nội dung	Mức độ hài lòng				
15	Kỹ năng tự học, nghiên cứu	①	②	③	④	⑤
16	Kỹ năng tổ chức sự kiện	①	②	③	④	⑤
17	Kỹ năng sáng tạo, tư duy phê phán	①	②	③	④	⑤
18	Kỹ năng thích nghi nhanh chóng	①	②	③	④	⑤
IV. MONG ĐỢI VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ TỐ CHẤT CỦA NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP		Mức độ				
19	Khiêm tốn, hòa nhã với đồng nghiệp	①	②	③	④	⑤
20	Sự nhiệt tình, hăng hái, năng nổ	①	②	③	④	⑤
21	Sự trung thực, nghiêm túc	①	②	③	④	⑤
22	Sự siêng năng cần cù	①	②	③	④	⑤
23	Sự cẩn trọng, chu đáo	①	②	③	④	⑤
24	Khả năng chịu áp lực công việc	①	②	③	④	⑤
25	Tinh thần trách nhiệm	①	②	③	④	⑤
26	Tinh thần cầu tiến, cầu thị trong công việc	①	②	③	④	⑤
27	Ý thức kỷ luật trong lao động	①	②	③	④	⑤
28	Ý thức tập thể, cộng đồng	①	②	③	④	⑤
29	Cam kết thực hiện lời hứa công việc	①	②	③	④	⑤

D. Ý KIẾN KHÁC

Theo Ông/Bà, người học Trường Đại học Thủ Dầu Một tốt nghiệp cần được bồi dưỡng thêm kiến thức, kỹ năng, thái độ gì để đáp ứng yêu cầu công việc của quý cơ quan/doanh nghiệp:

.....

.....

.....

Nhà trường chân thành cảm ơn quý Ông/Bà đã dành thời gian tham gia đóng góp ý kiến./.

BÁO CÁO

Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở Bình Dương

Nhóm Biên soạn hồ sơ mở ngành Quản lý công trình độ cử nhân tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực là ngành Quản lý nhà nước của chính Trường Đại học Thủ Dầu Một để cho thấy năng lực đào tạo của Khoa Khoa học quản lý. Ngành Quản lý nhà nước bắt đầu đào tạo từ năm 2016, đến nay đã có khoá đầu tiên ra trường. Số sinh viên tốt nghiệp ra trường của ngành Quản lý Nhà nước là 57 sinh viên. Nội dung báo cáo khảo sát thể hiện ở những nội dung như sau:

1. Mục đích khảo sát

Mục đích khảo sát này là đánh giá tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở Bình Dương để làm minh chứng cho thấy nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành Quản lý công, từ đó có cho thấy khả năng sinh viên ra trường có việc làm của Ngành này trong tương lai đảm bảo với tỷ lệ cao. Khảo sát tập trung vào nhóm đối tượng là sinh viên tốt nghiệp của ngành Quản lý nhà nước cùng lĩnh vực.

Việc thu thập ý kiến về sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo & đánh giá của cơ quan/doanh nghiệp về chất lượng đào tạo chương trình Quản lý nhà nước của người lao động (SVTN của Trường) nhằm phục vụ công tác quản lý và đào tạo của Nhà trường, đề ra giải pháp cải tiến kịp thời, phù hợp để nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Quá trình thực hiện và phương pháp khảo sát

Đối tượng: Sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm của chương trình Quản lý nhà nước có 57 sinh viên. Tuy nhiên trong quá trình khảo sát có 51 sinh viên phản hồi chiếm tỷ lệ 89,47.

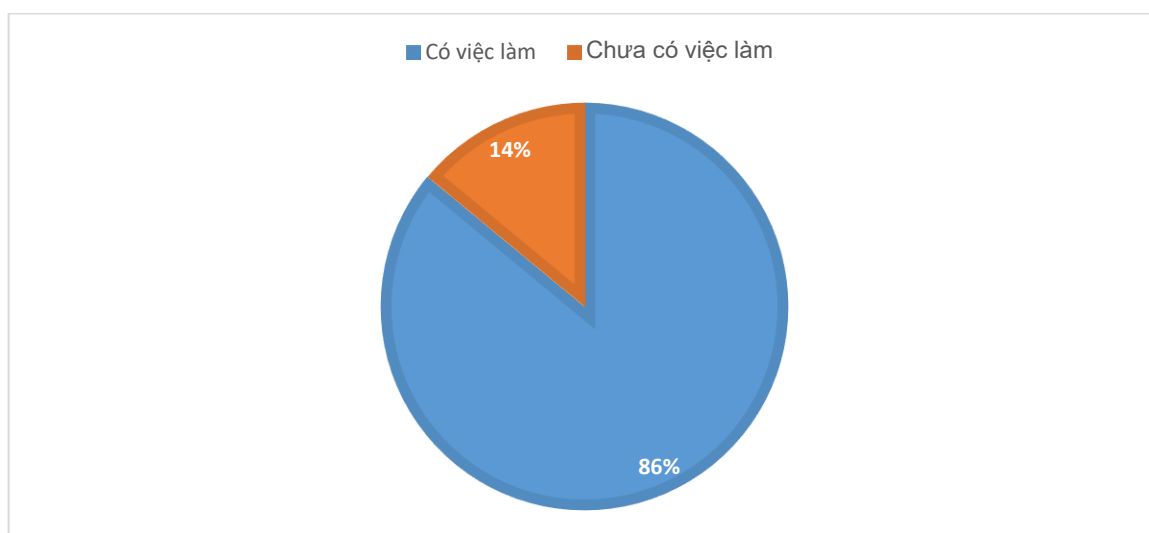
Phương pháp: nhóm khảo sát toàn bộ mẫu thông qua hiểu khảo sát được gửi trực tiếp.

Mô tả phiếu khảo sát: Phiếu khảo sát ngoài phần thông tin cá nhân, bao gồm những câu hỏi khảo sát sinh viên về chiến lược và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Sinh viên tốt nghiệp nhận xét về chiến lược của nhà trường và chương trình đào tạo đã học, đánh giá mức độ đáp ứng với thực tế công việc.

Câu hỏi sử dụng thang đo 5 mức của Likert và sinh viên tốt nghiệp yêu cầu chọn một trong 5 mức: 1. *Hoàn toàn không đồng ý*, 2. *Không đồng ý*, 3. *Bình thường*, 4. *Đồng ý*, 5. *Hoàn toàn đồng ý*.

3. Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên chương trình Quản lý nhà nước sau 1 năm tốt nghiệp thể hiện ở Biểu đồ 1 dưới đây:



Biểu đồ 1. Tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp 1 năm

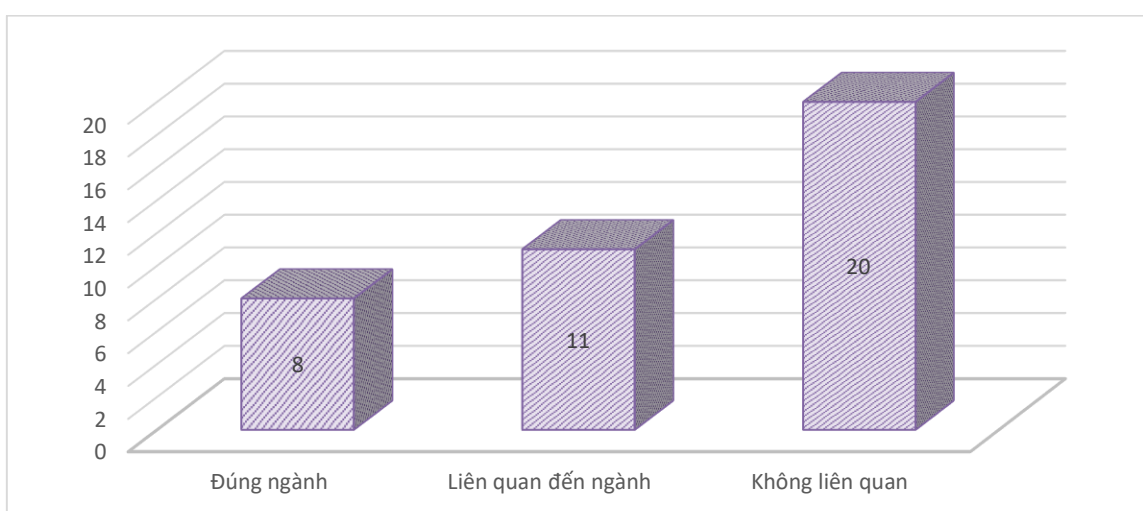
(Nguồn: Kết quả khảo sát của Nhóm xây dựng hồ sơ)

Theo Biểu đồ 1, sau 1 năm tốt nghiệp, có 86% sinh viên tốt nghiệp chương trình Quản lý nhà nước có việc làm ổn định, 14% sinh viên chưa có việc làm. Như vậy, so

với 6 tháng sau tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm đã tăng lên đáng kể (từ 67% lên 86%), kết quả này cho thấy đã có sự phối hợp tốt hơn giữa chương trình, khoa với Trung tâm hợp tác Doanh nghiệp và Khởi nghiệp trong việc liên lạc, cung cấp thông tin tuyển dụng và hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp.

Tuy nhiên tỷ lệ sinh viên chưa có việc làm vẫn còn 14%, do vậy trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

- **Kết quả khảo sát về sự phù hợp của công việc** mà sinh viên có việc làm đối với ngành đào tạo thể hiện ở Biểu đồ 2 dưới đây:



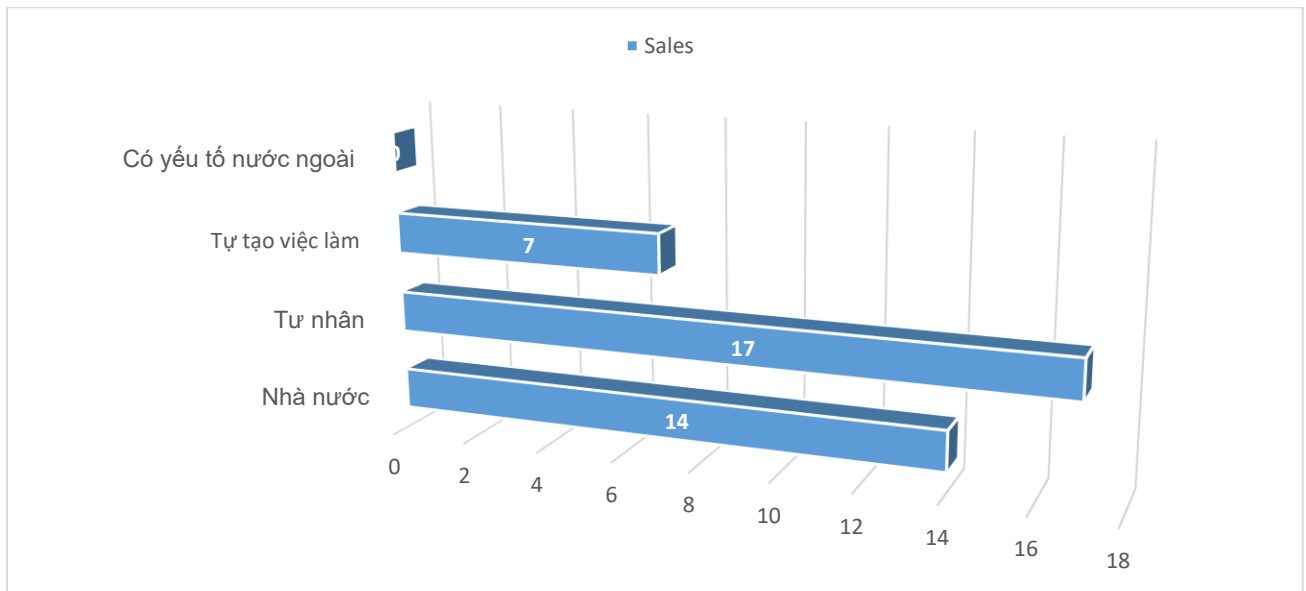
Biểu đồ 2. Sự phù hợp của công việc mà sinh viên có việc làm đối với ngành đào tạo

(Nguồn: Kết quả khảo sát của Nhóm xây dựng hồ sơ)

Theo Biểu đồ 2, có 08 sinh viên tham gia khảo sát chiếm 21% trả lời là có việc làm đúng với ngành đào tạo. Có 11 sinh viên chiếm 28% trả lời khảo sát tìm được công việc gần với ngành đào tạo, 20 sinh viên chiếm 51% tìm được công việc trái ngành đào tạo. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng và gần với ngành đào tạo chỉ chiếm 49%, cho thấy sự tiếp cận thị trường lao động và kết nối của sinh viên sau tốt nghiệp vẫn còn hạn chế. Do đó, chương trình, khoa cần đề ra các giải pháp để đẩy mạnh hơn nữa sự kết nối giữa cựu sinh viên với cựu sinh viên, cựu sinh viên Trung tâm hợp tác Doanh nghiệp và Khởi nghiệp nhằm tăng cường tối đa cơ hội cho sinh viên tốt nghiệp tiếp cận nhu cầu tuyển dụng của cơ quan/doanh nghiệp.

Cũng qua khảo sát, có 05 sinh viên chương trình Quản lý nhà nước sau tốt nghiệp tiếp tục theo học văn bằng 2 và cao học (chiếm tỷ lệ 10% trên tổng số sinh viên tốt nghiệp tham gia khảo sát).

- Kết quả khảo sát về khu vực làm việc của sinh viên thể hiện ở Biểu đồ 03 dưới đây



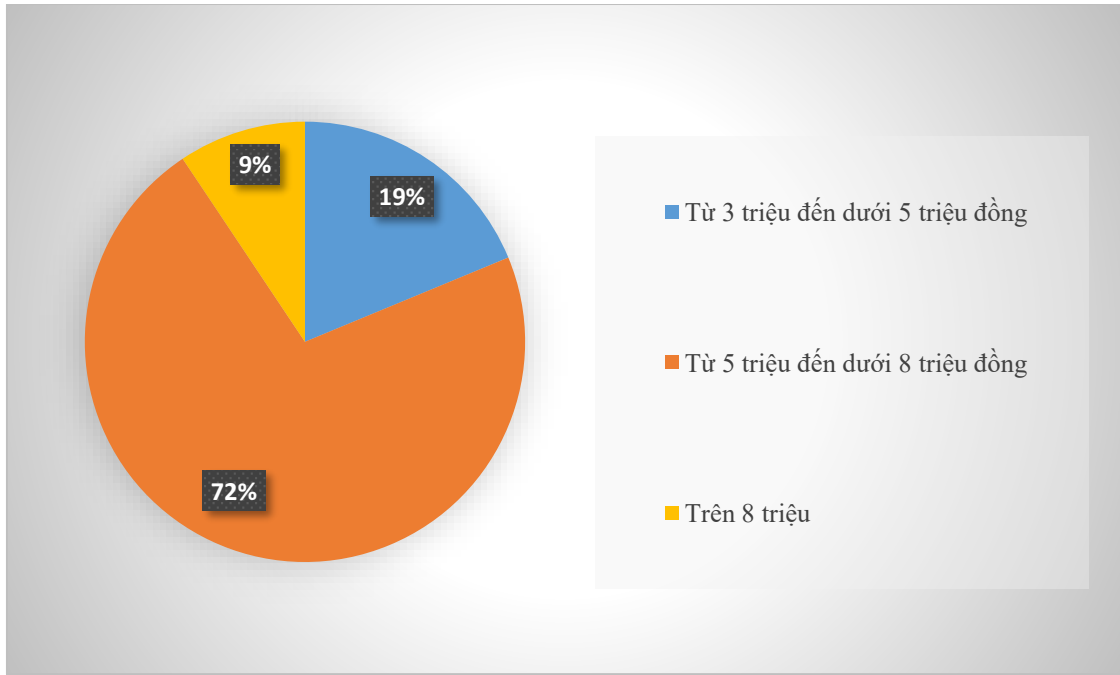
Biểu đồ 3. Tình hình khu vực làm việc của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

(Nguồn: Kết quả khảo sát của Nhóm xây dựng hồ sơ)

Sau 1 năm tốt nghiệp, Chương trình khảo sát được 50 sinh viên; trong đó, có 14 sinh viên (chiếm tỷ lệ 37% sinh viên tốt nghiệp) có việc làm trong khu vực nhà nước, có 17 sinh viên (chiếm tỷ lệ 45% sinh viên tốt nghiệp) làm việc cho cơ sở tư nhân, có 7 sinh viên (chiếm tỷ lệ 18% sinh viên tốt nghiệp) tự tạo việc làm, không có sinh viên tốt nghiệp nào làm việc trong cơ sở có yếu tố nước ngoài.

- Kết quả khảo sát về mức lương thu nhập hàng tháng

Kết quả khảo sát về mức lương, thu nhập hàng tháng của sinh viên ngành Quản lý nhà nước ra trường thể hiện ở Biểu đồ 4 dưới đây:



Biểu đồ 4. Mức lương thu nhập hàng tháng của sinh viên

(Nguồn: Kết quả khảo sát của Nhóm xây dựng hồ sơ)

Theo kết quả khảo sát được thể hiện tại Biểu đồ 5, đa số sinh viên sau khi tốt nghiệp tại trường 1 năm có mức lương từ 5 – 8 triệu chiếm 72%, 19% có mức lương từ 3 đến 5 triệu, 9% cựu sinh viên có mức lương từ 8 triệu trở lên.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên tốt nghiệp của chương trình Quản lý Nhà nước tại Trường Đại học Thủ Dầu Một có nhiều cơ hội nghề nghiệp sau khi ra Trường cả khu vực công và khu vực tư. Các kiến thức, kỹ năng và các tốt chất của sinh viên được trang bị tại Trường cơ bản đáp ứng các yêu cầu công việc của cựu sinh viên. Về môi trường học tập tại Trường Đại học Thủ Dầu Một được sinh viên đánh giá ngày càng cao về cơ sở vật chất, không gian tự học.

5. Đề xuất

Qua việc đào tạo ngành Quản lý nhà nước- ngành cùng lĩnh vực với ngành Quản lý công, có thể thấy Trường Đại học Thủ Dầu một hoàn toàn có đủ năng lực để mở thêm mã ngành Quản lý công. Không những vậy, nhu cầu của thị

trường, cơ quan nhà nước và doanh nghiệp về lao động có trình độ chuyên môn về Quản lý công còn rất lớn.

Trên đây là Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp chương trình Quản lý Nhà nước- ngành gắn với ngành Quản lý công.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH ĐÀO TẠO

Việc phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực ngành đào tạo dựa trên những lưu ý như sau. Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý công có thể làm ở khu vực nhà nước và cả khu vực tư nhân. Ở khu vực tư nhân, sinh viên ngành Quản lý công có thể làm tốt ở những vị trí nghiệp vụ liên quan đến phòng ban chức năng như bộ phận nhân sự, bộ phận hành chính, R&D, PR, quản trị sản xuất, phát triển sản phẩm. Chính vì vậy mà nhóm biên soạn đề tài phân tích đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực ngành đào tạo Quản lý công dựa trên phân tích nhu cầu chung của các công ty, doanh nghiệp và cả cơ quan nhà nước. Trong phân tích đánh giá này, nhóm soạn thảo chia thành hai phần là khu vực tư và khu vực công.

1. Nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quản lý công ở khu vực tư

1.1. Khu vực tỉnh Bình Dương

Nhu cầu nhân lực ngành quản lý công ở khu vực tư ngày càng tăng nhờ số lượng các công ty có quy mô lớn tăng lên ở địa bàn này. Về khu công nghiệp: trong năm, chủ đầu tư các khu công nghiệp đã đầu tư cơ sở hạ tầng các KCN VSIP III, Cây Trường, Nam Tân Uyên mở rộng với tổng vốn trên 208 tỷ đồng; cho thuê lại đất và nhà xưởng với tổng diện tích 266 ha, thu hút đầu tư nước ngoài đạt 01 tỷ 088 triệu đô la mỹ (chiếm 60% toàn tỉnh) và 6.755 tỷ đồng vốn đầu tư trong nước. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã giải ngân 8.448 tỷ đồng để đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Toàn tỉnh hiện có 29 khu công nghiệp (trong đó 27 khu công nghiệp đi vào hoạt động), diện tích 12.670,5 ha, tỷ lệ cho thuê đất đạt 87,4%. Về cụm công

nghiệp: thành lập các cụm công nghiệp: các chủ đầu tư tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng; đến nay toàn tỉnh có 12 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 790 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 67,4%. Đầu tư trong nước (đến 30/11/2020): Đã thu hút 70.051 tỷ đồng vốn đăng ký kinh doanh (tăng 22%), gồm: 6.223 doanh nghiệp đăng ký mới (43.152 tỷ đồng), 1.301 doanh nghiệp điều chỉnh tăng vốn (32.388 tỷ đồng) và 61 doanh nghiệp giảm vốn (1.856 tỷ đồng); có 462 doanh nghiệp giải thể (3.633 tỷ đồng). Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 48.456 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, tổng vốn đăng ký 434.708 tỷ đồng. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (đến 30/11/2020): Đã thu hút 01 tỷ 845 triệu đô la Mỹ (vượt 31,8% kế hoạch năm, giảm 40% so với năm 2019), gồm: 121 dự án đầu tư mới (703 triệu đô la Mỹ), 82 dự án điều chỉnh tăng vốn (353 triệu đô la Mỹ), 389 dự án góp vốn (804 triệu đô la Mỹ); có 07 dự án điều chỉnh giảm vốn (15 triệu đô la Mỹ). Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 3.928 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 35,4 tỷ đô la Mỹ. Từ đầu năm đến nay, có thêm 1.029 doanh nghiệp mới đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (cùng kỳ năm 2019 là 1.053 doanh nghiệp), tập trung ở các ngành sản xuất sản phẩm kim loại đúc sẵn; sản xuất chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; may mặc; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; hóa chất và các sản phẩm hóa chất; chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy.

Nhờ đó mà, nhu cầu lao động nói chung và nhu cầu lao động về ngành quản lý công nói riêng cũng tăng lên đáng kể. Thông tin được khảo sát trên **59.975** tuyển dụng của doanh nghiệp và 71.658 người tìm việc tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bình Dương³. Chỉ riêng trong quý 3/2020, Trung tâm đã tiếp nhận 25.581 tuyển dụng của Doanh nghiệp, chiếm 74,4% so với sáu tháng đầu năm, giảm 37,5% so với cùng kỳ năm 2019 (ít hơn 15.359 tuyển dụng).

Theo thống kê của Trung tâm DVVL Bình Dương, trong 9 tháng năm 2020 nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp có sự biến thiên lên xuống.

³ Nguồn cung cấp: Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bình Dương

Cao nhất là 22.654 trong tháng 2/2020, kể đến là 13.502 trong tháng 9/2020. Quý 2/2020 có số lượng tuyển dụng thấp nhất luôn ở mức dưới 3000, bởi khoảng thời gian này dịch bệnh covid-19 bùng phát mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh đình trệ, đa số doanh nghiệp đều tạm ngưng sản xuất hoặc đóng cửa; do đó giải pháp của doanh nghiệp trong thời điểm này là giữ chân nguồn lực lao động có chuyên môn, kỹ thuật; cắt giảm lao động giản đơn hoặc cho nghỉ chờ việc.

Trong quý 3/2020 số lượng tuyển dụng có xu hướng tăng dần qua các tháng; trong tháng 7 nhu cầu tuyển dụng là 5.244, trong tháng 8 tăng lên 6.835 và tăng vọt lên 13.502 trong tháng 9.

Bảng 1: Nhu cầu tuyển dụng được phân chia theo nhóm ngành

Nhu cầu tuyển dụng phân chia theo nhóm ngành trong quý 3			
TT	Nhóm ngành	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Công nghệ kỹ thuật	38	0,16%
2	Kỹ thuật	863	3,37%
3	Chế tạo, chế biến	179	0,70%
4	Kinh doanh, quản lý	803	3,14%
5	Sư phạm, giáo dục	38	0,15%
6	Khoa học	20	0,08%
7	Máy tính và công nghệ thông tin	39	0,15%
8	Kiến trúc, xây dựng	59	0,23%
9	Vận tải	49	0,19%
10	Môi trường và bảo vệ môi trường	17	0,07%
11	Nghệ thuật	6	0,02%
12	Toán và thống kê	11	0,04%
13	Y tế, sức khỏe	22	0,09%
14	An ninh, quốc phòng	3	0,01%
15	Dịch vụ ăn, uống, lưu trú	102	0,40%
16	Ngôn ngữ, phiên dịch	183	0,72%
17	Pháp luật	5	0,02%
18	Thú y	1	0,00%
19	Công nhân tay nghề ngành gỗ	228	0,89%
20	Dịch vụ khác	12	0,05%
21	Hóa chất, sinh học	6	0,02%
22	Báo chí	1	0,00%
23	Lao động phổ thông	22.896	89,50%

(Nguồn: Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bình Dương)

Theo Bảng số liệu trên, nhu cầu tuyển dụng trong các lĩnh vực gần với chuyên ngành Quản lý công vẫn còn rất lớn. Nhóm ngành kinh doanh quản lý có nhu cầu tuyển dụng cao thứ nhì với 803 vị trí, chiếm 3,14% tổng nhu cầu của các lĩnh vực. Lĩnh vực sư phạm giáo dục là 38 vị trí. Môi trường và bảo vệ môi trường là 17 vị trí. Pháp luật là 5. Chính vì vậy, trong quý 3/2020 nhu cầu tuyển dụng nhân lực được đào tạo ở nhóm ngành kỹ thuật; kinh doanh, quản lý; ngôn ngữ, phiên dịch; chế tạo, chế biến, phục vụ ăn uống, lưu trú; v.v...có tỷ lệ tuyển dụng tương đối cao.

1.2. Thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh ⁴

- **Nhu cầu nhân lực theo loại hình doanh nghiệp, khu vực kinh tế:** kết quả khảo sát của doanh nghiệp, số lao động làm việc trong các loại hình doanh nghiệp là 3.035.201 người. Trong đó, lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhà nước chiếm 4,51%, lao động đang làm việc trong doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm 72,31%, lao động đang làm việc trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 23,18% .

Bảng 2: Nhu cầu nhân lực theo loại hình doanh nghiệp qua các năm

Loại hình doanh nghiệp	2017	2018	2019	2020
Tổng số (%)	100	100	100	100
Nhà nước	5,14	5,14	4,72	4,51
Ngoài nhà nước	72,83	71,85	72,14	72,31
Có vốn đầu tư nước ngoài	22,03	23,01	23,14	23,18

Nguồn: Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin TTLĐ tp Hồ Chí Minh

⁴ (Trích của Trung tâm dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động TP.HCM về việc Phân tích thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 – Dự báo nhu cầu nhân lực năm 2021)

Trong năm 2020, nhu cầu nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành, lĩnh vực là 256.959 chỗ làm việc, nhu cầu tuyển dụng tập trung ở các ngành:

- *Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ* chiếm 9,97% tổng nhu cầu, tuyển dụng tập trung ở các ngành: Cung ứng lao động tạm thời; hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; hoạt động bảo vệ tư nhân; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; cung ứng và quản lý nguồn lao động; hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng; đại lý du lịch;...

- *Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm* chiếm 8,02% tổng nhu cầu, chủ yếu tuyển dụng ở các ngành: Hoạt động trung gian tiền tệ khác; bảo hiểm nhân thọ; hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội); hoạt động cấp tín dụng khác; bảo hiểm phi nhân thọ; hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; hoạt động quản lý quỹ;...

- *Hoạt động kinh doanh bất động sản* chiếm 7,77% tổng nhu cầu, tuyển dụng nhiều ở ngành: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- *Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ* chiếm 7,61% tổng nhu cầu nhân lực, tuyển dụng nhiều ở các ngành: Hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; hoạt động thiết kế chuyên dụng; hoạt động pháp luật; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác; kiểm tra và phân tích kỹ thuật; nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung ứng và quản lý nguồn lao động; hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế;...

- *Thông tin và truyền thông* chiếm 4,76% tổng nhu cầu, tập trung ở các

ngành: Lập trình máy vi tính; xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; xuất bản phần mềm; công

thông tin; hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình; hoạt động viễn thông có dây; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;...

- *Giáo dục và đào tạo* chiếm 4,02% tổng nhu cầu, tập trung ở các ngành: Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; giáo dục tiểu học; dịch vụ hỗ trợ giáo dục; đào tạo trung cấp; giáo dục thể thao và giải trí; giáo dục mẫu giáo; đào tạo sơ cấp; giáo dục văn hóa nghệ thuật;...

- *Các nhóm ngành khác* chiếm 6,02% tổng nhu cầu, tập trung tuyển dụng ở các ngành: Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; thoát nước và xử lý nước thải; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; hoạt động thể thao khác; hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình; nuôi trồng thủy sản nội địa; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;...

2. Nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quản lý công ở khu vực công

Ngay trong Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030) cũng chỉ rõ nhu cầu nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực quản lý nhà nước, hoạch định chính sách tính đến năm 2030 là 30.000 người. Cũng theo báo cáo kết quả giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức” của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, tính đến tháng 12/2018 tổng số cán bộ, công chức của cả nước là 535.528 người. Trong đó, số lượng tiến sĩ là 2.209 người (0,4%), thạc sĩ là 19.666 người (chỉ chiếm 3,7%), cử nhân (đại học) là 278.198 người (51,9%). Do đó, nhu cầu được học tập nâng cao trình độ của cán bộ công chức

trong khu vực công nói chung còn rất lớn. Do đó, việc đào tạo trình độ thạc sĩ quản lý công là hết sức cần thiết.

Trường Đại học Thủ Dầu Một nằm tại trung tâm tỉnh Bình Dương, trong vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ, có vị trí tiếp giáp tỉnh Đồng Nai một trung tâm công nghiệp quan trọng của vùng, đặc biệt Bình Dương có 2 mặt tiếp giáp với Tp.HCM, một trung tâm tài chính, kinh tế, đầu tư, du lịch của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Là một trong những tỉnh lớn về mặt lãnh thổ cũng như cơ cấu về đơn vị, tổ chức quản lý trong khu vực công: Có trên 1000 đơn vị Hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước với số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc trong khu vực công lên tới trên 10.000 người.

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển, thời gian qua tỉnh Bình Dương đã có nhiều chương trình, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trong đó nổi bật như chương trình “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2020 - 2025” của Tỉnh ủy. Chương trình đã giúp nguồn nhân lực của tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế, tăng lợi thế cạnh tranh và hiệu quả quản lý trong khu vực nhà nước. Tuy nhiên, thực tế khách quan Bình Dương khá thành công khu hút nguồn nhân lực phục vụ cho ngành nghề đơn giản, ít được đào tạo và giá trị gia tăng thấp, nhưng nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ quá trình phát triển và hội nhập kinh tế của tỉnh còn thiếu; ngành nghề đào tạo tuy đa dạng về số lượng nhưng chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, nhất là các nghề dịch vụ cho các khu vực công: Quản lý Nhà nước, Quản lý công, Chính sách công, dịch vụ công... Những năm gần đây, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Bình Dương liên tục giảm và kém lợi thế hơn Đà Nẵng, Quảng Ninh, Đồng Tháp và nhiều tỉnh thành khác, do đó đòi hỏi tỉnh phải không ngừng cải thiện năng lực quản lý quản trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực công để đáp ứng yêu cầu mới.

Mặc dù nhân lực thuộc lĩnh vực **quản lý công** đang thiếu tại địa bàn tỉnh Bình Dương, nhưng hiện tại chưa có đơn vị nào tại địa bàn tham gia đào tạo nhân lực chất lượng cao cho khu vực công. Một số trường đại học có uy tín tại Tp.HCM đã đào tạo nhưng những nhân lực có chuyên môn và năng lực tốt chưa sẵn sàng về Bình Dương làm việc. Theo Hội đồng Lý luận Trung ương cũng chỉ ra rằng “Điểm nghẽn” trong vấn đề nguồn nhân lực của Việt Nam là việc phân bổ nguồn nhân lực chất lượng cao không đều. Theo thống kê, có đến 92% những người có học vị tiến sĩ trở lên công tác chủ yếu ở Hà Nội và TP HCM, các tỉnh thành khác không thu hút được nguồn nhân lực này, Bình Dương cũng là một trường hợp điển hình.

Chương trình hành động của Tỉnh ủy, kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh Bình Dương đã nhấn mạnh rằng đến năm 2025 sẽ nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 80% nhằm phù hợp sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư theo hướng ưu tiên phát triển dịch vụ công gắn với phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa. Những ngành nghề còn thiếu cần được ưu tiên đào tạo, song hành các chính sách thu hút, như các ngành nghề về dịch vụ cho khu vực công và các khu công nghiệp, nguồn nhân lực có sự am hiểu và kiến thức sâu về **quản lý công** là cần thiết.

Kết luận và khuyến nghị

Nhu cầu cần nguồn lao động chất lượng cao với tính chuyên môn hóa ngày càng cao, mức lương hấp dẫn và vị trí làm việc tốt tại các doanh nghiệp, tham gia giảng dạy cơ sở giáo dục đại học với các khối ngành kinh tế, tiếng Anh tại trung tâm đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng mềm, đặc biệt tham gia vào đội ngũ nghiên cứu các vấn đề xã hội hậu covid và những hệ quả tác động từ phát triển nền kinh tế cần nhiều đội ngũ chuyên gia tham gia giải quyết, hướng dẫn đội nhóm thực hiện xử lý các bài toán công tác xã hội tại trường học, bệnh viện, cộng đồng, các tình huống phát sinh mới tại các đơn vị, tổ chức... Nhà trường cần tiếp tục tuyển sinh

chương trình đào tạo thạc sĩ nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các khoa, chương trình đào tạo cần chú trọng tích hợp các kỹ năng nghề nghiệp, hướng đến các kỹ năng trong chuyên số trong quá trình giảng dạy để sinh viên rèn luyện và thích ứng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

Trên đây là báo cáo khảo sát nhu cầu tuyển dụng năm 2020 và dự báo nhu cầu tuyển dụng năm 2021 của tỉnh Bình Dương và Tp. Hồ Chí Minh. Trường Đại học Thủ Dầu Một là đơn vị đào tạo công lập trực thuộc UBND tỉnh Bình Dương, được Tỉnh giao nhiệm vụ cung cấp nhân lực chất lượng cao cho tỉnh. Qua đó khẳng định việc mở ngành đào tạo thạc sĩ **Quản lý công** đã được xác định trong kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo và đã được Hội đồng trường đã có Nghị quyết thông qua.

Xuất phát từ những căn cứ trên, chương trình đào tạo Quản lý công của Đại học Thủ Dầu Một được thiết kế theo hướng đặc thù của các ngành trong khu vực công và theo định hướng ứng dụng. Thể hiện ở các trụ cột kiến thức và chương trình đào tạo Quản lý công hướng đến là: kinh tế, văn hoá, xã hội, pháp luật, chính trị và khoa học quản lý gắn với các ngành và lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của khu vực công. Chương trình được thiết kế theo định hướng ứng dụng thể hiện ở ba phương diện. Thứ nhất, đội ngũ giảng dạy ngoài những giảng viên cơ hữu của nhà trường, còn huy động những nhà quản lý thực tiễn đang làm việc tại các cơ quan đơn vị ở khu vực công và khu vực tư tham gia giảng dạy, là đội ngũ báo cáo viên cho các chuyên đề thực tiễn. Hai là, các học phần được thiết kế hướng đến mục tiêu ứng dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra tại cơ quan, ngành, lĩnh vực mà học viên đang công tác. Ba là, mỗi học phần mang tính thực tiễn cao sẽ được thiết kế có chuyên đề báo cáo thực tiễn để các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý thực tiễn có thời gian trao đổi với học viên. Với những nội

dung đổi mới này, chương trình đào tạo Quản lý công của Đại học Thủ Dầu Một chắc chắn sẽ đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong bối cảnh hiện nay.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát ý kiến của cơ quan, doanh nghiệp có nhu sử dụng lao động

Nhóm Biên soạn hồ sơ mở ngành Quản lý công trình độ cử nhân tiến hành khảo sát lý ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn về nhu cầu sử dụng lao động của ngành Quản lý công. Kết quả khảo sát được thể hiện như sau:

I. Quá trình thực hiện và phương pháp khảo sát

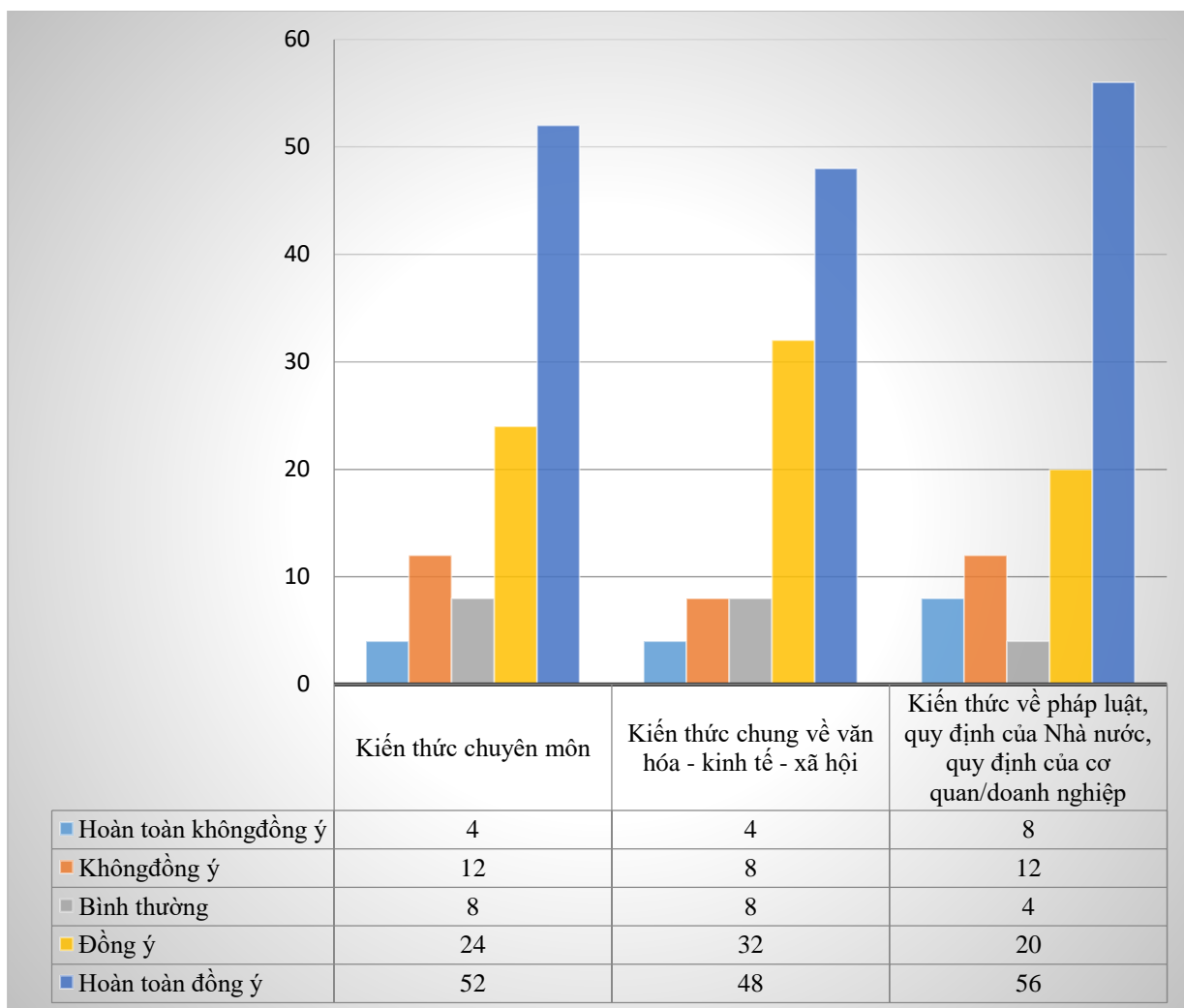
Đối tượng khảo sát: Nhà sử dụng lao động. Số phiếu phát ra: 68 phiếu, số phiếu thu về 46 phiếu, chiếm tỷ lệ 67,6%.

Nội dung khảo sát: Thăm dò ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành quản lý công.

Phương pháp khảo sát: Gửi phiếu khảo sát đến cơ quan, doanh nghiệp. Đối với cơ quan/Doanh nghiệp, nhóm khảo sát sử dụng phương pháp ngẫu nhiên thuận tiện phi sát xuất, và phiếu khảo sát được gửi trực tiếp hoặc qua email.

II. Kết quả khảo sát

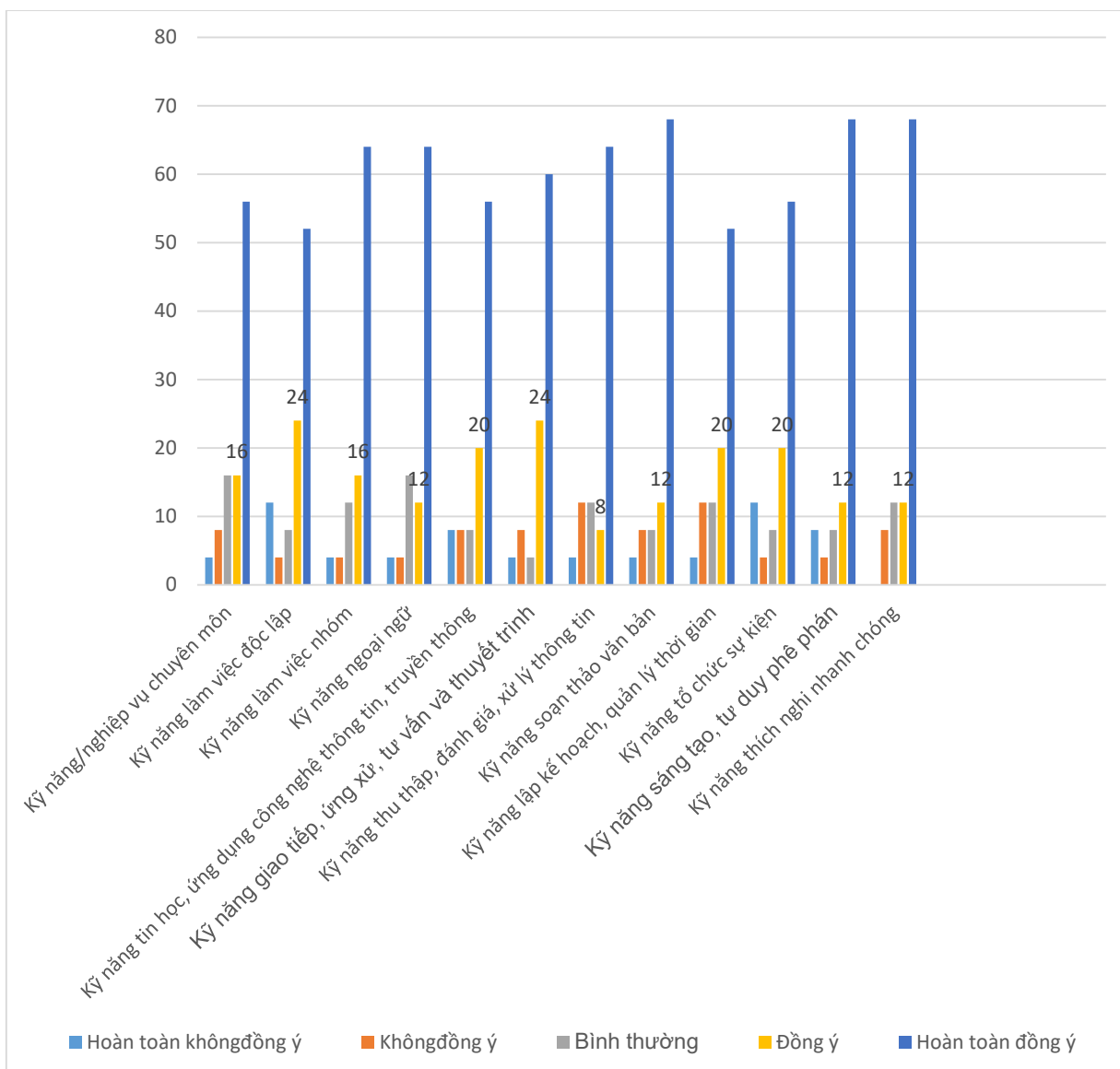
1. Nhu cầu và mong đợi của cơ quan và doanh nghiệp về kiến thức của sinh viên tốt nghiệp



Biểu đồ 1. Mong đợi của cơ quan/doanh nghiệp về kiến thức của sinh viên tốt nghiệp

Kết quả thể hiện tại Biểu đồ 6 cho thấy, có 76 % cơ quan/doanh nghiệp mong đợi sinh viên có kiến thức chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp ở mức tốt và rất tốt, có 80% cơ quan/doanh nghiệp kì vọng về kiến thức chung về văn hóa - kinh tế - xã hội của sinh viên tốt nghiệp ở mức tốt và rất tốt và có 76% mong đợi của cơ quan/doanh nghiệp đối với kiến thức về pháp luật, quy định của nhà nước, quy định của cơ quan/doanh nghiệp của sinh viên tốt nghiệp ở mức tốt và rất tốt.

2. Nhu cầu và mong đợi của cơ quan, doanh nghiệp về kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp



Biểu đồ 2. Mong đợi của cơ quan/doanh nghiệp về kỹ năng của sinh viên

Nhìn chung, các cơ quan/doanh nghiệp đều mong đợi sinh viên tốt nghiệp có các kỹ năng của cựu sinh viên trường như:

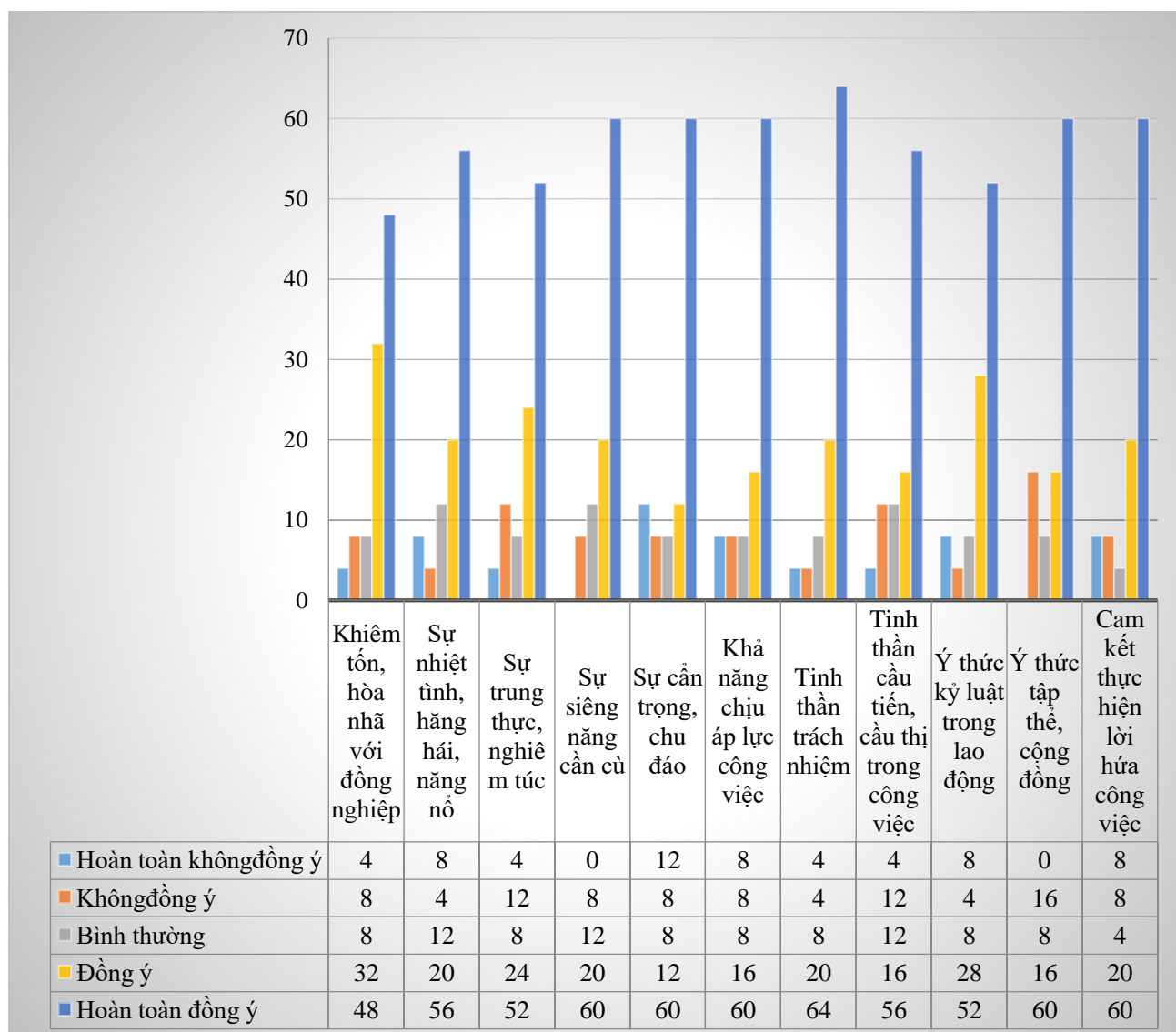
Có 18 cơ quan/doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 72% cơ quan/ doanh nghiệp sử dụng lao động được khảo sát mong đợi rằng sinh viên khi ra trường sẽ giỏi Kỹ năng/nghiệp vụ chuyên môn, Kỹ năng thu thập, đánh giá, xử lý thông tin, kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian;

Có 19 cơ quan/doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 76% cơ quan/ doanh nghiệp sử dụng lao động được khảo sát mong muốn tuyển dụng những sinh viên làm chủ Kỹ năng làm việc độc lập, Kỹ năng ngoại ngữ, Kỹ năng tin học, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, Kỹ năng tổ chức sự kiện của cựu sinh viên;

- Có 20 cơ quan/doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 80% cơ quan/ doanh nghiệp sử dụng lao động được khảo sát mong đợi sẽ tuyển dụng được những nhân sự có khả năng giỏi về Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng sáng tạo, tư duy phê phán, Kỹ năng thích nghi nhanh chóng, Kỹ năng soạn thảo văn bản của cựu SV;

- Đặc biệt về Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tư vấn và thuyết trình, có tới 21 cơ quan/doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 84% cơ quan/ doanh nghiệp sử dụng lao động được khảo sát đề có mong đợi về kỹ năng này của SV.

3. Mong đợi về đạo đức và tố chất của sinh viên tốt nghiệp



Biểu đồ 3. Mong đợi về đạo đức và tố chất của sinh viên tốt nghiệp

Các cơ quan/ doanh nghiệp đều đánh giá cao về đạo đức và tố chất của sinh viên tốt nghiệp. Đặc biệt có tới 21 cơ quan/ doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 84% cơ quan/ doanh

nghiệp sử dụng lao động mong đợi sinh viên có tinh thần trách nhiệm của SV; 20 cơ quan/doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 80% đánh giá tốt các tố chất của SV như: Khiêm tốn, hòa nhã với đồng nghiệp, Sự siêng năng cần cù, Cam kết thực hiện lời hứa công việc.

4. Nhu cầu tuyển dụng của cơ quan tổ chức trong 4 năm tới

Nhu cầu tuyển dụng của cơ qua, tổ chức trong 4 năm tới thể hiện ở Bảng sau:

Bảng 1. Nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành quản lý công

	Nhu cầu tuyển dụng (số công ty)			
	Dưới 5 người	Dưới 10 người	Dưới 15 người	Dưới 20 người
Số lượng công ty (Tổng 46)	30	12	4	0

Bảng trên cho thấy có 30 cơ quan, tổ chức có nhu cầu tuyển dụng dưới 5 người trong 4 năm tới. Số lượng tổ chức, cơ quan có nhu cầu tuyển dụng dưới 10 người là 12. Có 4 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng dưới 15 nhân sự.

Như vậy có thể thấy nhu cầu nhân sự ngành Quản lý công là có, việc mở ngành Quản lý công đáp ứng được nhu cầu của nhiều cơ quan, tổ chức ở cả khu vực công và tư.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

A.